

Bản án số: 255/2021/HS- PT
Ngày: 15-11-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

Ông Lê Khắc Thịnh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu T Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 15 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Trương Thị D và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trương Thị Trinh**, sinh năm 1983 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Số XX, đường Hồ Văn T1, tổ XX, ấp X, xã Mỹ T2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm tH; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Ú và bà Đỗ Thị C; có chồng (ly hôn năm 2006), có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 26-02-2020; đến ngày 06-3-2020 hủy bỏ biện pháp tạm giữ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

2. **Trương Thị D**, sinh năm 1977 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Số XX, đường Hồ Văn T1, tổ XX, ấp X, xã Mỹ T2, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Ú và bà Đỗ Thị C; có chồng, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 26-02-2020; tạm giam: Ngày 06-3-2020; đến ngày 04-5-2020 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

3. **Khổng Thị N**, sinh năm 1979 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Tổ X, ấp Bình N1, xã Nhị M, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khổng Văn A và bà Võ Thị L; có chồng, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06-4-2005 bị Tòa án nhân dân huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, đã chấp hành án xong; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ giai đoạn điều tra, hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

4. **Lê Thị Cẩm G (Tú)**, sinh năm 1985 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp An Đ, xã An B, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H và bà Dương Kim H1; có chồng, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 26-02-2020 đến ngày 06-3-2020. Bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

5. **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Số XX, đường Hai Bà T, khóm X, phường X, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Thiết kế xây dựng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Đ và bà Ngô Bé B; có vợ, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ giai đoạn điều tra, hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

6. **Lâm Thanh T**, sinh năm 1966 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Tổ X, ấp Tân H, xã Tân Thuận T thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Tài K và bà Lê Thị N; có chồng (ly hôn), có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 07-5-2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 tháng tù về tội đánh bạc, đã chấp hành xong; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ giai đoạn điều tra, hiện bị cáo đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

7. **Nguyễn Phát T (Tám Miên)**, sinh năm 1961 tại tỉnh L An; nơi cư trú (HKTT): Ấp An Đ, xã An B, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm tH; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị B; có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

8. **Dương Kim H**, sinh năm 1964 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Ấp An Đ, xã An B, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn H 1 và bà Lê Thị Q; có chồng và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D:*

Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh Hoa- Văn phòng Luật sư Quỳnh Hoa thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 200, đường Thiên Hộ Dương, phường Hòa Thuận, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (*có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy P:*

Luật sư Nguyễn Hồng Thanh- Văn phòng Luật sư Hồng Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 84, tổ 32, khóm 4, phường 6, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp (*có mặt tại phiên tòa*).

Ngoài ra, trong vụ án có bị cáo Nguyễn Phi L (Bé Điền) không kháng cáo và không bị kháng nghị; có bị cáo Trần Quốc T3 có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trong giai đoạn chuẩn bị xét xử P thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ ngày 25-02-2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an bắt quả tang Trương Thị T đang có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô đề tại nhà số XX, đường Hồ Văn T1, ấp X, xã Mỹ T2, thành phố Cao Lãnh.

Cũng trong ngày 25-02-2020, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an bắt quả tang thêm 02 vụ đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số lô đề, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Lúc 17 giờ ngày 25-02-2020, tại nhà của Lê Thị Cẩm G thuộc Tổ XX, ấp An Đ xã An B, huyện Cao Lãnh, bắt quả tang G đang có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô đề.

Vụ thứ hai: Lúc 20 giờ ngày 25-02-2020, tại nhà số XX, Tổ XX, Ấp X, xã Mỹ T2, thành phố Cao Lãnh, bắt quả tang Trương Thị D đang có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô đề.

Qua kết quả điều tra xác định như sau:

1. Đối với bị cáo Trương Thị D

Qua đối chiếu nội dung tin nhắn trong điện thoại Iphone màu vàng gắn sim số 09626699XX của Trương Thị D, xác định từ ngày 10-12-2019 đến ngày 25-12-2019, bị cáo L sử dụng điện thoại số tH bao 09843XX804 gửi tin nhắn vào số tH bao 0962XX9952 của bị cáo Trương Thị D để mua số lô đề, cụ thể như sau:

- Ngày 10-12-2019, bị cáo L gửi hai tin nhắn cho bị cáo D để mua số đề với số tiền bao lô của tin nhắn thứ nhất là $11 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 178.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng 33.660.000 đồng, nên thực tế chỉ tính $11 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14.6 = 144.540.000 \text{ đồng}$) và tin nhắn thứ hai là $6 \times 500.000 \text{ đồng} \times 18 = 54.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 9.000.000 đồng nên thực tế chỉ tính $6 \times 500.000 \text{ đồng} \times 15 = 45.000.000 \text{ đồng}$), D đồng ý bán cho L và sau đó D chuyển 02 tin nhắn này sang số tH bao 03544XX592 của Trương Thị T là em của D, T đồng ý nhận. Sau khi có kết quả xổ số, tin nhắn thứ nhất L trúng 01 con với số tiền $1 \times 500.000 \text{ đồng} \times 80 = 40.000.000 \text{ đồng}$, trừ khoản tiền đánh đề thì D lời 5.000.000 đồng. Tin nhắn thứ hai L trúng được 5 con số với số tiền $5 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 120.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền L đánh đề thì D lời 24.540.000 đồng. Tổng số tiền D bán số đề cho L trong ngày 10-12-2019 là $178.200.000 \text{ đồng} + 54.000.000 \text{ đồng} = 232.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng 42.660.000 đồng, nên thực tế chỉ tính 189.540.000 đồng), lấy tổng số tiền thực tế bán đề là 189.540.000 đồng trừ tiền trúng đề là $40.000.000 \text{ đồng} + 120.000.000 \text{ đồng} = 160.000.000 \text{ đồng}$ thì D thắng đề 29.540.000 đồng. Đến tối ngày 11-12-2019, L bảo Lê Thành T là người L tH quản lý quán cà phê Xì Trum (Trung Xì T5) của L, đem tiền đến gửi tại quán Làng C 1 để thanh toán cho D, tuy nhiên T5 không biết nguồn gốc và mục đích sử dụng tiền. Sau đó, D đến lấy rồi thanh toán trực tiếp tiền đánh đề với T.

Tổng số tiền đánh bạc giữa D với L và T trong ngày 10-12-2019 là $232.200.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 160.000.000 \text{ đồng} = 392.200.000 \text{ đồng}$ (do cho lại H hồng nên thực tế chỉ tính $189.540.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 160.000.000 \text{ đồng} = 349.540.000 \text{ đồng}$), D thu lợi 29.540.000 đồng. Nhưng vì D và T là chị em ruột nên D chỉ chuyển tin nhắn cho T và không hưởng chênh lệch, đồng thời số tiền thu lợi cũng do T hưởng.

- Ngày 17-12-2019, bị cáo L gửi hai tin nhắn vào số tH bao của D mua số lô đề với số tiền bao lô của tin nhắn thứ nhất là $10 \times 380.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 205.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng 38.760.000 đồng, nên thực tế chỉ tính $10 \times 380.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 166.440.000 \text{ đồng}$) và tin nhắn thứ hai với số tiền bao lô là $4 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 21.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 3.600.000 đồng nên thực tế chỉ tính $4 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 18.000.000 \text{ đồng}$), D đồng ý bán cho L, sau đó, D chuyển 02 tin nhắn này sang số tH bao 0354436592 của T, T đồng ý nhận. Sau khi có kết quả xổ số, tin nhắn thứ nhất L trúng 02 con số, với số tiền là $2 \times 380.000 \text{ đồng} \times 80 = 60.800.000 \text{ đồng}$, trừ tiền mua số thì D còn lời 105.640.000 đồng. Tin nhắn thứ hai L trúng được 02 con số, với số tiền

là $2 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 48.000.000 \text{ đồng}$, trừ số tiền mua đề thì D thua $30.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền D bán số lô đề cho L trong ngày 17-12-2019 là $205.200.000 \text{ đồng} + 21.600.000 \text{ đồng} = 226.800.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết $38.760.000 \text{ đồng} + 3.600.000 \text{ đồng} = 42.360.000 \text{ đồng}$ nên chỉ tính $166.440.000 \text{ đồng} + 18.000.000 \text{ đồng} = 184.440.000 \text{ đồng}$), lấy tổng số tiền thực tế bán đề là $184.440.000 \text{ đồng}$ trừ số tiền trúng đề là $48.000.000 \text{ đồng} + 60.800.000 \text{ đồng} = 108.800.000 \text{ đồng}$ thì D thắng đề với tổng số tiền là $75.640.000 \text{ đồng}$. Đến tối ngày 18-12-2019, L bảo T5 mang tiền đến gửi tại quán Làng Chài 1 để thanh toán tiền thua đề ngày 17-12-2019 cho D, sau đó D đến lấy rồi thanh toán trực tiếp tiền đánh đề với T.

Tổng số tiền đánh bạc giữa D với L và T trong ngày 17-12-2019 là $226.800.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 108.800.000 \text{ đồng} = 335.600.000 \text{ đồng}$ (do cho lại H hồng nên thực tế chỉ tính $184.440.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 108.800.000 \text{ đồng} = 293.240.000 \text{ đồng}$). D thu lợi $75.640.000 \text{ đồng}$ nhưng số tiền này do T hưởng.

- Ngày 24-12-2019, bị cáo L tiếp tục gửi hai tin nhắn cho bị cáo D để mua số đề với số tiền bao lô tin nhắn thứ nhất là $12 \times 400.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 259.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết $48.960.000 \text{ đồng}$ nên thực tế chỉ tính $12 \times 400.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 210.240.000 \text{ đồng}$) và tin nhắn thứ hai với số tiền bao lô là $5 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 27.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết $4.500.000 \text{ đồng}$ nên thực tế chỉ tính $5 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 22.500.000 \text{ đồng}$), D đồng ý bán số đề cho L qua hai tin nhắn này. Sau đó, D chuyển 02 tin nhắn này sang số tH bao 0354436592 của T, T đồng ý nhận. Sau khi có kết quả xổ số, tin nhắn thứ nhất L trúng được 07 con số với số tiền trúng đề là $7 \times 400.000 \text{ đồng} \times 80 = 224.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền L đánh đề thì D bị lỗ $13.760.000 \text{ đồng}$. Tin nhắn thứ hai L không trúng con số nào nên D thắng $22.500.000 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền D bán số đề cho L trong ngày 24-12-2019 là $259.200.000 \text{ đồng} + 27.000.000 \text{ đồng} = 286.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết $48.960.000 \text{ đồng} + 4.500.000 \text{ đồng} = 53.460.000 \text{ đồng}$ nên thực tế chỉ tính $210.240.000 \text{ đồng} + 22.500.000 \text{ đồng} = 232.740.000 \text{ đồng}$), lấy tổng số tiền thực tế bán đề trừ số tiền trúng đề là $224.000.000 \text{ đồng}$ thì D thắng đề với tổng số tiền là $8.740.000 \text{ đồng}$. Đến tối ngày 25-12-2019, L bảo T5 mang tiền lại gửi tại quán Làng Chài 1 để thanh toán tiền thua đề ngày 24-12-2019 cho D, sau đó D đến lấy rồi thanh toán trực tiếp tiền đánh đề với T.

Tổng số tiền đánh bạc giữa D với L và T trong ngày 24-12-2019 là $286.200.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 224.000.000 \text{ đồng} = 510.200.000 \text{ đồng}$ (do cho lại H hồng nên thực tế chỉ tính $232.740.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 224.000.000 \text{ đồng} = 456.740.000 \text{ đồng}$). D thu lợi $8.740.000 \text{ đồng}$ nhưng số tiền này do T hưởng.

Đối với hai tin nhắn L đánh bạc với D, lưu giữ trong điện thoại gắn sim số 0962669952 của D được nhắn với số 0989576777 của anh Huỳnh Đức T6. Theo

D khai vào năm 2017, D mới mở quán cà phê Cát T7 gần nhà anh T6, anh T6 đến quán uống cà phê nên quen biết nhau. Sau đó, giữa D và anh T6 gọi điện và nhắn tin qua lại với nhau để vay mượn tiền và trả tiền lãi, tiền gốc, chưa bao giờ nhắn tin với nhau để đánh số lô đề. D xác định nội dung hai tin nhắn này là nội dung tin nhắn giữa D và L về việc đánh số lô đề. Theo D trình bày nội dung hai tin nhắn nêu trên là có sự nhầm lẫn của nhà mạng vì từ trước đến ngày bị bắt thì chỉ có D và L nhắn tin qua lại với nhau để tổng kết tiền thắng thua trong việc đánh số lô đề chứ không còn người nào khác (kể cả T). D là người trực tiếp thanh toán tiền thắng thua lô đề bằng tiền mặt với L và T. Đồng thời, qua làm việc anh T cũng trình bày không có liên quan đến hoạt động đánh bạc của D.

- Ngày 07-01-2020, bị cáo L tiếp tục gửi hai tin nhắn cho bị cáo D để mua số lô đề với số tiền bao lô tin nhắn thứ nhất là $10 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 162.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 30.600.000 đồng nên thực tế chỉ tính $10 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 131.400.000 \text{ đồng}$) và tin nhắn thứ hai với tổng số tiền bao lô là $7 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 38.800.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 7.300.000 đồng nên thực tế chỉ tính $7 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 31.500.000 \text{ đồng}$), D đồng ý bán, sau đó chuyển 02 tin nhắn này sang số tH bao 0354436592 của T, T đồng ý nhận. Sau khi có kết quả xổ số, tin nhắn thứ nhất L trúng 02 con số với số tiền trúng đề là $2 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 48.000.000 \text{ đồng}$ trừ tiền L đánh đề thì D lời 83.400.000 đồng. Tin nhắn thứ hai L trúng 01 con số với số tiền trúng đề là $1 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 24.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền mua số đề thì D lời 7.500.000 đồng. Tổng số tiền D bán số đề cho L trong ngày 07-01-2020 là 162.000.000 đồng + 38.800.000 đồng = 200.800.000 đồng (cho lại H hồng hết 30.600.000 đồng + 7.300.000 đồng = 37.900.000 đồng nên thực tế chỉ tính 131.400.000 đồng + 31.500.000 đồng = 162.900.000 đồng), lấy tổng số tiền thực tế bán đề trừ số tiền trúng đề là 24.000.000 đồng + 48.000.000 đồng = 72.000.000 đồng thì D thắng tổng số tiền là 90.900.000 đồng. Đến tối ngày 08-01-2020, L bảo T5 mang tiền lại gửi tại quán Làng C 1 để thanh toán tiền thua đề ngày 07-01-2020 cho D, sau đó D đến lấy rồi thanh toán trực tiếp tiền đánh đề với T.

Tổng số tiền đánh bạc giữa D với L và T trong ngày 07-01-2020 là 200.800.000 đồng + tiền trúng 72.000.000 đồng = 271.800.000 đồng (do trừ tiền H hồng nên thực tế chỉ tính 162.900.000 đồng + tiền trúng đề 72.000.000 đồng = 234.900.000 đồng). D thu lợi 90.900.000 đồng nhưng số tiền này do T hưởng.

- Ngày 04-02-2020, L tiếp tục gửi hai tin nhắn cho bị cáo D để mua số lô đề với số tiền bao lô của tin nhắn thứ nhất là $10 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 162.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 30.800.000 đồng nên thực tế chỉ tính $10 \times 300.00 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 131.400.000 \text{ đồng}$) và tin nhắn thứ hai với số tiền bao lô là $6 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 32.400.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 5.400.000 đồng nên thực tế chỉ tính $6 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 27.000.000 \text{ đồng}$), D đồng ý bán cho L 02 tin nhắn này. Sau đó, D chuyển 02 tin nhắn này sang số tH bao 0354436592 của T, T đồng ý nhận. Sau khi có kết quả xổ số, tin nhắn thứ

nhất L trúng 04 con số với số tiền trúng đề là $4 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 96.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền L đánh đề thì D còn lời $35.400.000 \text{ đồng}$. Tin nhắn thứ hai L trúng 03 con số với số tiền trúng đề là $3 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 72.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền L đánh đề thì D còn lỗ $45.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền D bán đề cho L trong ngày 04-02-2020 là $162.200.000 \text{ đồng} + 32.400.000 \text{ đồng} = 194.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết $30.800.000 \text{ đồng} + 5.400.000 \text{ đồng} = 36.200.000 \text{ đồng}$ nên thực tế chỉ tính $131.400.000 \text{ đồng} + 27.000.000 \text{ đồng} = 158.400.000 \text{ đồng}$), lấy tổng số tiền thực tế bán đề trừ số tiền trúng đề là $72.000.000 \text{ đồng} + 96.000.000 \text{ đồng} = 168.000.000 \text{ đồng}$ thì D thua đề với số tiền là $9.600.000 \text{ đồng}$. Ngày 05-02-2020, D thanh toán tiền thắng đề với T, đến tối cùng ngày D đem tiền ra gửi tại quầy nhân viên quán Xì T5 để thanh toán tiền thắng lô đề ngày 04-02-2020 cho L.

Tổng số tiền đánh bạc giữa D với L và T trong ngày 04-02-2020 là $194.600.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng } 168.000.000 \text{ đồng} = 362.600.000 \text{ đồng}$ (do trừ huê hồng nên thực tế chỉ tính $158.400.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 168.000.000 \text{ đồng} = 326.400.000 \text{ đồng}$). D bị thua đề $9.600.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 18-02-2020, bị cáo L tiếp tục gửi hai tin nhắn cho bị cáo D để mua số lô đề, tin nhắn thứ nhất là $15 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 243.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết $45.900.000 \text{ đồng}$ nên thực tế chỉ tính $15 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 197.100.000 \text{ đồng}$) và tin nhắn thứ hai với số tiền bao lô là $10 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 54.000.000 \text{ đồng}$ (do cho lại huê hồng hết $9.000.000 \text{ đồng}$ nên thực tế chỉ tính $10 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 45.000.000 \text{ đồng}$), D đồng ý bán sau đó chuyển 02 tin nhắn này sang số thuê bao 0354436592 của T, T đồng ý nhận. Sau khi có kết quả xổ số, tin nhắn thứ nhất L trúng 11 con số với số tiền thắng đề là $11 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 264.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền L đánh đề thì D còn thua $66.900.000 \text{ đồng}$. Tin nhắn thứ hai L trúng 03 con số với số tiền trúng lô đề là $3 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 72.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền mua số đề thì D thua $27.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền D bán đề cho L trong ngày 18-02-2020 là $243.000.000 \text{ đồng} + 54.000.000 \text{ đồng} = 297.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết $45.900.000 \text{ đồng} + 9.000.000 \text{ đồng} = 54.900.000 \text{ đồng}$ nên thực tế chỉ tính $197.100.000 \text{ đồng} + 45.000.000 \text{ đồng} = 242.100.000 \text{ đồng}$), lấy tổng số tiền thực tế đánh đề là $242.100.000 \text{ đồng}$ trừ số tiền trúng đề là $72.000.000 \text{ đồng} + 264.000.000 \text{ đồng} = 336.000.000 \text{ đồng}$ là số tiền L thắng lô đề, còn D thua đề $93.900.000 \text{ đồng}$. Đến tối ngày 19-02-2020, D thanh toán số tiền thắng đề với T là $93.900.000 \text{ đồng}$, sau đó D mang số tiền này ra gửi tại quầy nhân viên của quán cà phê Xì T 5 để thanh toán tiền thắng lô đề cho L.

Như vậy: Tổng số tiền đánh đề giữa D với L và T trong ngày 18-02-2020 là $297.000.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng } 336.000.000 \text{ đồng} = 633.000.000 \text{ đồng}$ (do trừ lại huê hồng nên thực tế chỉ tính $242.100.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 336.000.000 \text{ đồng} = 578.100.000 \text{ đồng}$). D bị thua đề $93.900.000 \text{ đồng}$.

- Ngày 24-02-2020, bị cáo D khai L sử dụng thuê bao 09XX449234 nhắn tin vào số thuê bao 096XX69952 của D để mua bao lô đài Đồng Tháp 33 con số, mỗi con hai triệu đồng. Do thấy số tiền mua đề của L quá lớn, D chỉ đồng ý bán cho L mỗi con số là một triệu đồng nên nhắn “ok 1tr”, với tổng số tiền bao lô là $33 \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 18 = 594.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại tiền huê hồng hết 112.200.000 đồng nên thực tế chỉ tính $33 \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 14,6 = 481.800.000 \text{ đồng}$). Sau đó, D chuyển cho T, T đồng ý nhận. Sau khi đối chiếu kết quả xổ số, L trúng được 03 con số với số tiền trúng lô đề là $3 \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 80 = 240.000.000 \text{ đồng}$ nên sau khi trừ tiền L thực tế đánh đề là 481.800.000 đồng thì D thắng đề 241.800.000 đồng. Theo thỏa thuận việc thanh toán tiền thắng thua lô đề mua của ngày hôm trước sẽ được thanh toán vào tối ngày hôm sau nên số tiền thua lô đề ngày 24-02-2020 của L chưa thanh toán cho D vì D bị bắt quả tang vào ngày 25-02-2020. Tuy nhiên, qua làm việc bị cáo L không thừa nhận và quá trình điều tra cũng không trích xuất được nội dung tin nhắn này từ điện thoại của L nên không đủ căn cứ kết luận L có mua đề đối với tin nhắn này.

Tổng số tiền D đánh bạc trong ngày 24-02-2020 là 594.000.000 đồng + tiền trúng 240.000.000 đồng = 834.000.000 đồng (do trừ lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 481.800.000 đồng + tiền trúng đề 240.000.000 đồng = 721.800.000 đồng). D thu lợi 241.800.000 đồng, chưa kịp chung chi.

- Ngày 25-02-2020, L tiếp tục sử dụng số thuê bao 09XXX353804 gửi hai tin nhắn cho bị cáo D để mua số lô đề, với số tiền bao lô của tin nhắn thứ nhất là $15 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 243.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 45.900.000 đồng nên thực tế chỉ tính $15 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 197.100.000 \text{ đồng}$) và tin nhắn thứ hai là $10 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 54.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 9.000.000 đồng nên thực tế chỉ tính $10 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 45.000.000 \text{ đồng}$). D đồng ý và chuyển hai tin nhắn lô đề này cho T, T đồng ý nhận. Sau khi có kết quả xổ số, tin nhắn thứ nhất L trúng 06 lô với số tiền thắng đề là $6 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 144.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền L thực tế đánh đề thì D thắng 53.100.000 đồng. Tin nhắn thứ hai L không trúng đề nên D thắng 45.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền D bán đề cho L trong ngày 25-02-2020 là 243.000.000 đồng + 54.000.000 đồng = 297.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 45.900.000 đồng + 9.000.000 đồng = 54.900.000 đồng nên thực tế chỉ tính 197.100.000 đồng + 45.000.000 đồng = 242.100.000 đồng), lấy tổng số tiền thực tế đánh đề là 242.100.000 đồng trừ số tiền trúng đề là 144.000.000 đồng thì D thắng đề 98.100.000 đồng. Đến chiều tối cùng ngày, D chưa kịp tổng kết việc thắng thua lô đề với L thì bị Cơ quan Công an đến nhà bắt quả tang.

Tổng số tiền đánh đề giữa D với L và T trong ngày 25-02-2020 là 297.000.000 đồng + tiền trúng 144.000.000 đồng = 441.000.000 đồng (do cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 242.100.000 đồng + 144.000.000 đồng = 386.100.000 đồng). D thu lợi 98.100.000 đồng, chưa kịp chung chi.

Tổng cộng 08 lần D đánh bạc với L nêu trên (Trong đó có một lần tin nhắn mua số đề ngày 24-02-2020 không có trong máy điện thoại của L và L không thừa nhận) với tổng số tiền là 3.781.400.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 3.346.820.000 đồng), D thu lợi 544.720.000 đồng. Do ngày 24, 25-02-2020 D chưa tiến hành chung chi với người mua nên không tính tiền thu lợi bất chính của D trong hai ngày này. Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế là 204.820.000 đồng.

2. Đối với bị cáo Trương Thị T

Ngoài việc đánh số lô, số đề thắng thua bằng tiền với bị cáo D như nội dung đã nêu trên. Trong ngày 25-02-2020, bị cáo T còn bán số lô, số đề thắng thua bằng tiền cho nhiều người, tất cả các tin nhắn này còn lưu giữ trong máy điện thoại iPhone gắn sim số 0354XXX6592 của bị cáo T. Qua đối chiếu nội dung tin nhắn trong điện iPhone gắn sim số 035XXX592 của T, xác định:

- T nhận tổng cộng 07 tin nhắn mua số lô, số đề từ số điện thoại 0814387789 của một người nữ nhà ở khu vực chợ Cao L (T không biết họ tên và địa chỉ), T đồng ý bán tất cả các tin nhắn trên nên nhắn “ok”, cụ thể:

+ Tin nhắn thứ nhất: T đồng ý bán bao lô xỉu chủ ba đài miền Nam với tổng số tiền là $2 \times 5.000 \text{ đồng} \times 3 \times 17 = 510.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 90.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 5.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14 = 420.000 \text{ đồng}$), bao lô ba đài 01 con số với số tiền $1 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 540.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 90.000 đồng nên thực tế chỉ tính $1 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 450.000 \text{ đồng}$), mua lô đầu và lô cuối (đuôi) ba đài 01 con số với số tiền $1 \times 50.000 \text{ đồng} \times 3 \times 2 = 300.000 \text{ đồng}$. Đối chiếu kết quả xổ số thì số tiền trúng đề là 1.600.000 đồng. tổng số tiền bán đề của tin nhắn này là 510.000 đồng + 540.000 đồng + 300.000 đồng = 1.350.000 đồng (cho huê hồng hết 90.000 đồng + 90.000 đồng = 180.000 đồng nên thực tế chỉ tính 1.170.000 đồng), tiền trúng đề là 1.600.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 2.950.000 đồng (thực tế chỉ tính 2.770.000 đồng), T thua 430.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ hai: Bị cáo T đồng ý bán lô đầu đài Bạc Liêu 02 con số với số tiền $2 \times 50.000 \text{ đồng} = 100.000 \text{ đồng}$, 02 con số với số tiền $2 \times 100.000 \text{ đồng} = 200.000 \text{ đồng}$, bao lô ba đài 02 con số với số tiền $2 \times 20.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 2.160.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 360.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 20.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 1.800.000 \text{ đồng}$), bao lô ba đài 02 con số với số tiền $2 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 1.080.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 180.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 900.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì số tiền trúng đề là 4.000.000 đồng, tổng số tiền bán đề của tin nhắn này là 100.000 đồng + 200.000 đồng + 2.160.000 đồng + 1.080.000 đồng = 3.540.000 đồng (cho lại huê hồng hết 360.000 đồng + 180.000 đồng = 540.000 đồng nên thực tế chỉ tính 100.000 đồng + 200.000 đồng + 1.800.000 đồng + 900.000 đồng = 3.000.000 đồng), tiền trúng đề là 4.000.000 đồng nên tổng số tiền dùng để

đánh bạc là 7.540.000 đồng, T thua đề 1.000.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ ba: Bị cáo T đồng ý bán bao lô ba đài 01 con số với số tiền $1 \times 30.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 1.620.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 270.000 đồng nên thực tế chỉ tính $1 \times 30.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 1.350.000 \text{ đồng}$), bao lô ba đài 01 con số với số tiền $1 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 540.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 90.000 đồng nên thực tế chỉ tính $1 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 450.000 \text{ đồng}$), xiu chủ ba đài 01 con số với số tiền $1 \times 5.000 \text{ đồng} \times 3 \times 17 = 255.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 45.000 đồng nên thực tế chỉ tính $1 \times 5.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14 = 210.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì số tiền trúng đề là 2.400.000 đồng, tổng số tiền đánh đề của tin nhắn này là 1.620.000 đồng + 540.000 đồng + 255.000 đồng = 2.415.000 đồng (cho lại huê hồng hết 270.000 đồng + 90.000 đồng + 45.000 đồng = 405.000 đồng nên thực tế chỉ tính 1.350.000 đồng + 450.000 đồng + 210.000 đồng = 2.010.000 đồng), tiền trúng đề là 2.400.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 4.815.000 đồng, T thua 390.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ tư: T đồng ý bán bao lô đài Bến Tre 08 con số với tổng số tiền là $8 \times 50.000 \text{ đồng} \times 18 = 7.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 1.200.000 đồng nên thực tế chỉ tính $8 \times 50.000 \text{ đồng} \times 15 = 6.000.000 \text{ đồng}$), bao lô ba đài 03 con số với tổng số tiền là $2 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 10.800.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 1.800.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 9.000.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì số tiền trúng đề là 16.000.000 đồng, tổng số tiền bán đề của tin nhắn này là 1.000.000 đồng + 7.200.000 đồng + 10.800.000 đồng = 19.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 1.200.000 đồng + 1.800.000 đồng = 3.000.000 đồng nên thực tế chỉ tính 1.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 9.000.000 đồng = 16.000.000 đồng), tiền trúng 16.000.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 35.000.000 đồng, T không thắng không thua.

+ Tin nhắn thứ năm: Bị cáo T đồng ý bán bao lô đài Bạc Liêu 02 con số với số tiền $2 \times 5.000 \text{ đồng} \times 18 = 180.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 30.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 5.000 \text{ đồng} \times 15 = 150.000 \text{ đồng}$), xiu chủ 02 con số với số tiền $2 \times 5.000 \text{ đồng} \times 17 = 170.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 30.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 5.000 \text{ đồng} \times 14 = 140.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì không có số trúng đề. Như vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc của tin nhắn này là 180.000 đồng + 170.000 đồng = 350.000 đồng (cho lại huê hồng hết 30.000 đồng + 30.000 đồng = 60.000 đồng nên thực tế chỉ tính 290.000 đồng). T thắng 290.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ sáu: Bị cáo T đồng ý bán bao lô ba đài 02 con số với số tiền $2 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 1.080.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 180.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 900.000 \text{ đồng}$), lô đầu ba đài 02 con số với số tiền $2 \times 50.000 \text{ đồng} \times 3 = 300.000 \text{ đồng}$. Đối chiếu kết quả xổ số thì không có số trúng đề, tổng số tiền dùng để đánh bạc của tin nhắn này là

1.080.000 đồng + 300.000 đồng = 1.380.000 đồng (cho lại huê hồng hết 180.000 đồng nên thực tế chỉ tính 900.000 đồng + 300.000 đồng = 1.200.000 đồng), T thắng 1.200.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ bảy: Bị cáo T đồng ý bán lô đầu 01 con số 100.000 đồng, bao lô ba đài 01 con số với số tiền $1 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 540.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 90.000 đồng nên thực tế chỉ tính $1 \times 10.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 450.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì không có số trúng đề, tổng số tiền đánh bạc của tin nhắn này là 100.000 đồng + 540.000 đồng = 640.000 đồng (cho lại huê hồng hết 90.000 đồng nên thực tế chỉ tính 100.000 đồng + 450.000 đồng = 550.000 đồng). T thắng 550.000 đồng.

Tổng số tiền đánh đề 7 tin nhắn là 52.675.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 48.220.000 đồng), T thắng 220.000 đồng.

- T nhận tin nhắn từ số thuê bao 0859125292 của Ngô Thị Thanh T8, đề mua số lô, số đề thắng thua bằng tiền với số tiền là 1.000.000 đồng, T đồng ý bán cho T8. Đối chiếu kết quả xổ số thì không có số trúng đề. Như vậy, số tiền đánh bạc của tin nhắn này là 1.000.000 đồng. T thắng 1.000.000 đồng.

- Bị cáo T nhận tổng cộng 04 tin nhắn mua số lô, số đề từ số điện thoại 0939841208 của người tên Võ L nhà ở khu vực chợ Trần Quốc T9 (không rõ địa chỉ), T đồng ý bán cả 04 tin nhắn nên nhắn “ok”, cụ thể:

+ Tin nhắn thứ nhất: T đồng ý bán số lô đề với tổng số tiền là 5.520.000 đồng (cho lại huê hồng hết 490.000 đồng nên thực tế chỉ tính 5.030.000 đồng), không có số trúng đề nên T thắng 5.030.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ hai: Bị cáo T đồng ý bán số lô đề với tổng số tiền là 6.120.000 đồng (cho lại huê hồng hết 720.000 đồng nên thực tế chỉ tính 5.400.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số thì số tiền trúng đề là 6.400.000 đồng nên tổng số tiền T đánh bạc là 12.520.000 đồng, T thua 1.000.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ ba: Bị cáo T đồng ý bán số lô đề với tổng số tiền là 3.920.000 đồng (cho lại huê hồng hết 580.000 đồng nên thực tế chỉ tính 3.340.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số thì số tiền trúng đề là 3.200.000 đồng nên tổng số tiền T đánh bạc là 7.120.000 đồng. T thu lợi 140.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ tư: Bị cáo T đồng ý bán số lô đề với tổng số tiền là 1.580.000 đồng (cho lại huê hồng hết 180.000 đồng nên thực tế chỉ tính = 1.400.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số thì không có số trúng đề nên T thắng 1.400.000 đồng.

Tổng số tiền T đánh bạc 04 tin nhắn là 26.740.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 24.770.000 đồng), T thắng 6.570.000 đồng.

- Bị cáo T nhận tổng cộng 03 tin nhắn mua số lô đề từ số điện thoại 0706653969 của 01 người nam (không nhớ tên và địa chỉ cụ thể), T đồng ý bán

tất cả các tin nhắn trên nên nhắn “ok”, cụ thể:

+ Tin nhắn thứ nhất: T đồng ý bán bao lô 02 con số với tổng số tiền là $2 \times 100.000 \text{ đồng} \times 18 = 3.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 600.000 đồng nên thực tế chỉ tính $2 \times 100.000 \text{ đồng} \times 15 = 3.000.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì không có con số trùng nên T thắng 3.000.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ hai: T đồng ý bán bao lô với tổng số tiền là 860.000 đồng (cho lại huê hồng hết 60.000 đồng nên thực tế chỉ tính 300.000 đồng + 400.000 đồng + 100.000 đồng = 800.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trùng được 800.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.660.000 đồng. T không thắng không thua.

+ Tin nhắn thứ ba: T đồng ý bán bao lô với tổng số tiền là 10.000 đồng $\times 3 \times 18 = 540.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 90.000 đồng nên thực tế chỉ tính 10.000 đồng $\times 3 \times 15 = 450.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trùng được 800.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.340.000 đồng, T thua 350.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của 03 tin nhắn là 6.600.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 3.000.000 đồng + 1.600.000 đồng + 1.250.000 đồng = 5.850.000 đồng), T thắng 2.650.000 đồng.

- Lúc 15 giờ 27 phút ngày 25-02-2020, bị cáo T nhận 02 tin nhắn mua số lô đề từ số điện thoại 091XXX0510 của anh Trung (không rõ họ tên, địa chỉ) nhà ở khu vực chợ Cao L, T lưu trong máy là T6 123, T đồng ý bán cả hai tin nhắn nên nhắn “ok”, cụ thể:

+ Tin nhắn thứ nhất: T đồng ý bán bao lô với tổng số tiền của tin nhắn này là 10.500.000 đồng (cho lại huê hồng hết 1.500.000 đồng nên thực tế chỉ tính 9.000.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số không có số trùng nên T thu lợi 9.000.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ hai: T đồng ý bán bao lô với tổng số tiền là 250.000 đồng $\times 2 \times 15 = 9.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 1.500.000 đồng nên thực tế chỉ tính 500.000 đồng $\times 15 = 7.500.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số không có số trùng nên T thắng 7.500.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của T đối với 02 tin nhắn này là 19.500.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 9.000.000 đồng + 7.500.000 đồng = 16.500.000 đồng), T thu lợi 16.500.000 đồng.

- T nhận 03 tin nhắn mua số lô đề từ số điện thoại 0702985935 của một người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) nhà ở khu vực chợ Cao L, T đồng ý bán tất cả 03 tin nhắn, cụ thể:

+ Tin nhắn thứ nhất: T đồng ý bán số đề với tổng số tiền của tin nhắn này là 3.780.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số không có số trùng nên T thu lợi

3.780.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ hai: T đồng ý bán số lô đề với tổng số tiền của tin nhắn này là 2.055.000 đồng (cho lại huê hồng hết 210.000 đồng nên thực tế chỉ tính 1.845.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 800.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 2.855.000 đồng. T thu lợi 1.045.000 đồng.

+ Tin nhắn thứ ba: T đồng ý bán số lô đề với tổng số tiền của tin nhắn này là 182.000 đồng (cho lại huê hồng hết 18.000 đồng nên thực tế chỉ tính 164.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số không có số trúng nên T thu lợi 164.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của 03 tin nhắn là 6.817.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 5.789.000 đồng), T thắng 4.989.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T đánh bạc với 06 người trong ngày 25-02-2020 là 113.332.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 102.129.000 đồng), T thắng 31.929.000 đồng.

- Qua đối chiếu nội dung tin nhắn trong điện iPhone gắn sim số 0967584652 của Trương Thị T, xác định:

+ Ngày 24-02-2020, Lâm Thanh T sử dụng thuê bao 09XXXX46544 nhắn tin vào thuê bao 09XX584652 của T để mua số lô đề với tổng số tiền bao lô là $8 \times 40.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 17.280.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 2.880.000 đồng nên thực tế chỉ tính $8 \times 40.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 14.400.000 \text{ đồng}$), T đồng ý bán. Căn cứ vào kết quả xổ số thì tổng số tiền trúng đề là $6 \times 40.000 \text{ đồng} \times 80 = 19.200.000 \text{ đồng}$, tổng số tiền T đánh bạc trong ngày 24-02-2020 là 17.280.000 đồng + tiền trúng đề 19.200.000 đồng = 36.480.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 14.400.000 đồng + tiền trúng đề 19.200.000 đồng = 33.600.000 đồng). Trừ tiền đánh đề thì T thua đề 4.800.000 đồng. Sáng ngày 25-02-2020, T đã gặp T chung chi tiền T thua đề cho T bằng tiền mặt.

+ Ngày 25-02-2020, bị cáo T tiếp tục sử dụng thuê bao 09XXX46544 nhắn tin vào thuê bao 096XX84652 của T để đánh số lô đề, với tổng số tiền bao lô là $200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 10.800.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 1.800.000 đồng nên thực tế chỉ tính $200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 15 = 9.000.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số, trúng được 32.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc T trong ngày 25-02-2020 là 10.800.000 đồng + 32.000.000 đồng = 42.800.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 9.000.000 đồng + tiền trúng đề 32.000.000 đồng = 41.000.000 đồng). Trừ tiền đánh đề thì T thua đề 23.000.000 đồng, chưa chung chi.

Tổng cộng 02 ngày T bán số lô đề cho T với số tiền 17.280.000 đồng + 10.800.000 đồng = 28.080.000 đồng (cho lại huê hồng hết 4.680.000 đồng nên thực tế chỉ tính 14.400.000 đồng + 9.000.000 đồng = 23.400.000 đồng), tổng số tiền trúng 19.200.000 đồng + 32.000.000 đồng = 51.200.000 đồng nên tổng số

tiền đánh bạc là 28.080.000 đồng + 51.200.000 đồng = 79.280.000 đồng (cho lại huê hồng hết nên thực tế chỉ tính 23.400.000 đồng + 51.200.000 đồng = 74.600.000 đồng). T thua đề 27.800.000 đồng.

Tổng cộng T bán số đề trong ngày 25-02-2020 với tổng số tiền là 441.000.000 đồng + 113.332.000 đồng + 42.800.000 đồng = 597.132.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 386.100.000 đồng + 102.129.000 đồng + 41.000.000 đồng = 529.229.000 đồng), thu lợi bất chính 107.029.000 đồng. T chưa kịp đối chiếu, chung chi tiền thắng thua lô đề với những người đánh đề thì đã bị Cơ quan Công an đến nhà bắt quả tang.

T bắt đầu bán số lô đề từ ngày 10-12-2019 đến khi bị bắt ngày 25-02-2020 với tổng số tiền 3.781.400.000 đồng + 113.332.000 đồng + 79.280.000 đồng = 3.974.012.000 đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 3.346.820.000 đồng + 102.129.000 đồng + 74.600.000 đồng = 3.523.549.000 đồng. Do ngày 24, 25-02-2020 chưa tiến hành chung chi với người mua nên xác định tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế là 204.820.000 đồng.

Quá trình điều tra T khai nhận: Việc L (Bé Điền) đánh đề với D rồi D đánh đề với T với đúng số tiền mà L (Bé Điền) đã đánh đề với D, cho nên việc D đánh đề với T thì D không hưởng tiền thu lợi. Tiền thu lợi là do T thụ hưởng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lâm Thanh T thừa nhận việc mua số lô, số đề với Trương Thị T như nội dung đã nêu trên.

3. Đối với bị cáo Nguyễn Phi L (Bé Điền)

L bắt đầu mua số lô đề thắng thua bằng tiền từ ngày 10-12-2019 đến ngày 25-02-2020 nhưng trong một tuần chỉ đánh đề vào ngày thứ ba với các đài xổ số kiến thiết Miền Nam gồm: Bến Tre, Bạc Liêu, Vũng Tàu. Hình thức đánh đề là L sử dụng điện thoại di động gắn sim số 098XXX3804 nhắn tin đến số điện thoại của nhiều người bán số, lô đề thắng thua bằng tiền với nội dung: Mua bao lô 1 đài, bao lô 3 đài 02 con số với nhiều con số khác nhau, mỗi con số L bao lô ít nhất là 100.000 đồng/số, nhiều nhất 500.000 đồng/số, L không mua số đầu, số đuôi, xiu chủ, đá số, số miền Bắc. Những người bán số lô đề cho L quy ước tính giá tiền như sau: Bao lô đề với số tiền dưới 50.000.000 đồng thì tính tiền 15 lô, từ 50 triệu đồng trở lên thì tính 14,5 hoặc 14,6 lô. Tỷ lệ thắng thua là 1 thắng 80. Hình thức trả tiền đánh đề và chung chi tiền thắng thua: Do mua bán lô đề bằng tin nhắn điện thoại nên chưa trả tiền mua đề Ny, đến ngày hôm sau điện thoại hẹn địa điểm gặp nhau trả tiền mua lô đề, chung chi tiền thắng thua đánh đề bằng tiền mặt, không giao dịch chuyển khoản ngân hàng.

Ngoài việc bị cáo L mua số lô đề của bị cáo D như nội dung đã khai nêu trên (riêng tin nhắn D khai ngày 24-02-2020, bị cáo L không nhận tin nhắn đánh đề này là của L vì L không sử dụng số điện thoại 0XXX449234, L không đánh đề đài Đồng Tháp) thì L khai nhận đã đánh đề với nhiều người khác cụ thể như

sau:

- Đối với Nguyễn Duy P:

Ngày 31-12-2019, L sử dụng số thuê bao 098XXX53804 gửi hai tin nhắn đến số điện thoại 094XXX91133 của P để mua số lô đề. Tin thứ nhất bao lô 04 con số với tổng số tiền là $4 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 21.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 3.600.000 đồng nên thực tế chỉ tính $4 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 18.000.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số, không trúng số nào nên L thua đề 18.000.000 đồng. Tin thứ hai bao lô 04 con số nhưng P chỉ nhận 03 con số với tổng số tiền đánh bạc là $3 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 32.400.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 6.120.000 đồng nên thực tế chỉ tính $3 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 26.280.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì trúng 01 con số với số tiền $200.000 \text{ đồng} \times 80 = 16.000.000 \text{ đồng}$. Trừ tiền đánh đề L còn thua đề 10.280.000 đồng. Tổng tiền L đánh đề với P ngày 31-12-2019 là 54.000.000 đồng + tiền trúng đề 16.000.000 đồng = 70.000.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 18.000.000 đồng + 26.280.000 đồng + tiền trúng đề 16.000.000 đồng = 60.280.000 đồng), L thua đề 28.280.000 đồng.

Ngày 07-01-2020, L sử dụng thuê bao 098XXXX3804 gửi 01 tin nhắn đến thuê bao 09XXX91133 của P bao lô 06 con số, nhưng P nhắn tin lại cho L chỉ nhận bao lô 3 con số với tổng số tiền đánh đề là $3 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 16.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 2.700.000 đồng nên thực tế chỉ tính $3 \times 300.000 \text{ đồng} \times 15 = 13.500.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số thì trúng 1 số với số tiền trúng đề $300.000 \text{ đồng} \times 80 = 24.000.000 \text{ đồng}$. Tổng tiền L đánh bạc với P là 16.200.000 đồng + tiền trúng đề 24.000.000 đồng = 40.200.000 đồng (cho lại huê hồng hết 2.700.000 đồng nên thực tế chỉ tính 13.500.000 đồng + tiền trúng đề 24.000.000 đồng = 37.500.000 đồng). Trừ tiền đánh đề ra thì L thu lợi 10.500.000 đồng.

Ngày 04-02-2020, L tiếp tục gửi tin nhắn cho P với nội dung đánh đề thắng thua bằng tiền nhưng P không nhận do P bận công việc riêng.

Như vậy, tổng số tiền L đánh bạc với P 02 lần là 70.000.000 đồng + 40.200.000 đồng = 110.200.000 đồng (cho lại huê hồng hết 12.420.000 đồng nên thực tế chỉ tính 60.280.000 đồng + 37.500.000 đồng = 97.780.000 đồng). L thắng 10.500.000 đồng, đã chung chi tiền.

- Ngày 04-02-2020, bị cáo L đã đánh đề với những người:

Người tên P quen biết ngoài xã hội (không biết họ tên địa chỉ cụ thể) gửi 01 tin nhắn đến số thuê bao 098XXX53804 của L bao lô 3 đài với số tiền đánh bạc là $291.600.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 240.000.000 \text{ đồng} = 531.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính $236.520.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 240.000.000 \text{ đồng} = 476.520.000 \text{ đồng}$). Thu lợi 3.480.000 đồng. Tuy nhiên, L khai nhận tin nhắn này do người tên Phú gửi cho L tổng hợp thắng thua dùm chứ

L không đánh đề với người tên Phú nên không đủ căn cứ xử lý đối với tin nhắn này.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 0984XXX3804 gửi 01 tin nhắn đến số điện thoại (không nhớ số) của người tên Tú quen biết ngoài xã hội (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể) bao lô 3 đài với số tiền đánh đề là $20 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 324.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 61.200.000 đồng nên thực tế chỉ tính $20 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 262.800.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 11 con số với số tiền trúng đề $11 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 264.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền đánh bạc là $324.000.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 264.000.000 \text{ đồng} = 588.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền đánh đề ra thì L thu lợi 1.200.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 09XXX353804 gửi 01 tin nhắn đến số thuê bao của bị cáo Khổng Thị N bao lô 3 đài với số tiền $7 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 75.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 14.280.000 đồng nên thực tế chỉ tính $7 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 61.320.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 05 con số với số tiền trúng đề $5 \times 200.000 \text{ đồng} \times 80 = 80.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền đánh bạc là $75.600.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 80.000.000 \text{ đồng} = 155.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính $61.320.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 80.000.000 \text{ đồng} = 141.320.000 \text{ đồng}$), trừ tiền đánh đề ra thì L thu lợi 18.680.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 0984XXXX804 gửi 02 tin nhắn đến số thuê bao (không nhớ số) của người tên Tuấn quen biết ngoài xã hội (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể). Tin nhắn thứ nhất bao lô với số tiền là $25 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 270.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 51.000.000 đồng nên thực tế chỉ tính $25 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 219.000.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 13 con số với số tiền trúng đề $13 \times 200.000 \text{ đồng} \times 80 = 208.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền đánh đề ra thì L thua đề 11.000.000 đồng. Tin nhắn thứ hai bao lô với số tiền là $7 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 37.800.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 7.140.000 đồng nên thực tế chỉ tính $7 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 30.660.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 05 con số với số tiền trúng đề $5 \times 100.000 \text{ đồng} \times 80 = 40.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền đánh đề thì L thắng đề 9.340.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của 02 tin nhắn là $307.800.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 248.000.000 \text{ đồng} = 555.800.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính $249.660.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 248.000.000 \text{ đồng} = 497.660.000 \text{ đồng}$). L thua đề 1.660.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 098XXX3804 gửi 01 tin nhắn đến số thuê bao (không nhớ số) của Ngô Minh Trung (Tâm Mỏ) bao lô 25 con số với số tiền $25 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 135.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 25.500.000 đồng nên thực tế chỉ tính $25 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 109.500.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 13 con số với số tiền trúng đề $13 \times 100.000 \text{ đồng} \times 80 = 104.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền đánh bạc là

135.000.000 đồng + 104.000.000 đồng = 239.000.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 109.500.000 đồng + tiền trúng đề 104.000.000 đồng = 213.500.000 đồng), trừ tiền đánh đề ra thì L thua đề 5.500.000 đồng.

Tổng số tiền L đánh đề trong ngày 04-02-2020 với Tú, N, Tuân, Ngô Minh Trung và 02 tin nhắn của Trương Thị D là 588.000.000 đồng + 155.600.000 đồng + 555.800.000 đồng + 239.000.000 đồng + 362.000.000 đồng = 1.900.400.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 526.800.000 đồng + 141.320.000 đồng + 497.660.000 đồng + 213.500.000 đồng + 326.400.000 đồng = 1.705.680.000 đồng). L thu lợi 22.320.000 đồng.

- Ngày 18-02-2020 L đánh đề với những người:

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 098XXX53804 gửi 01 tin nhắn đến số thuê bao (không nhớ số) của người tên Tú quen biết ngoài xã hội (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể) bao lô 3 đài với số tiền là $20 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 324.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 61.200.000 đồng nên thực tế chỉ tính $20 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 262.800.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 15 con số với số tiền trúng đề $15 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 360.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền đánh bạc là 324.000.000 đồng + tiền trúng đề 360.000.000 đồng = 684.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 61.200.000 đồng nên thực tế chỉ tính 262.800.000 đồng + tiền trúng đề 360.000.000 đồng = 622.800.000 đồng), trừ tiền đánh đề ra thì L thắng đề 97.200.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 098XXX53804 gửi 03 tin nhắn đến số thuê bao (không nhớ số) của người tên T10 quen biết ngoài xã hội (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể). Tin nhắn thứ nhất bao lô 3 đài với số tiền $21 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 340.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 64.260.000 đồng nên thực tế chỉ tính $21 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 275.940.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 15 con số với số tiền trúng đề $11 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 264.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền đánh đề ra thì L thua đề 11.940.000 đồng. Tin nhắn thứ hai bao lô 3 đài với số tiền $10 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 54.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 10.200.000 đồng nên thực tế chỉ tính $10 \times 100.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 43.800.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 06 con số với số tiền trúng đề $6 \times 100.000 \text{ đồng} \times 80 = 48.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền đánh đề thì L thắng đề 4.200.000 đồng. Tin nhắn thứ ba bao lô 3 đài với số tiền $19 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 307.800.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 58.140.000 đồng nên thực tế chỉ tính $19 \times 300.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 249.660.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 06 con số với số tiền trúng đề $6 \times 300.000 \text{ đồng} \times 80 = 144.000.000 \text{ đồng}$, trừ tiền đánh đề ra thì L thua đề 105.660.000 đồng. Tổng số tiền đánh đề 3 tin nhắn là 340.200.000 đồng + 54.000.000 đồng + 307.800.000 đồng = 702.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 64.260.000 đồng + 10.200.000 đồng + 58.140.000 đồng = 132.600.000 đồng nên thực tế chỉ tính 275.940.000 đồng + 43.800.000 đồng + 249.660.000 đồng = 569.400.000 đồng). Tổng số tiền trúng của 03 tin

nhấn là 264.000.000 đồng + 48.000.000 đồng + 144.000.000 đồng = 456.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của L với Tuấn ngày 18-02-2020 là 702.000.000 đồng + tiền trúng đề 456.000.000 đồng = 1.158.000.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 569.400.000 đồng + tiền trúng đề 456.000.000 đồng = 1.025.400.000 đồng). L thua đề 113.400.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 09XXX53804 gửi 01 tin nhắn đến thuê bao (không nhớ số) của bị cáo Khổng Thị N bao lô 3 đài với số tiền 10 x 200.000 đồng x 3 x 18 = 108.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 20.400.000 đồng nên thực tế chỉ tính 10 x 200.000 đồng x 3 x 14,6 = 87.600.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 6 con số với số tiền trúng đề 6 x 200.000 đồng x 80 = 96.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 108.000.000 đồng + tiền trúng đề 96.000.000 đồng = 204.000.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 87.600.000 đồng + tiền trúng đề 96.000.000 đồng = 183.600.000 đồng), trừ tiền đánh đề ra thì L thu lợi 8.400.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 0984XXX804 gửi 01 tin nhắn đến số thuê bao (không nhớ số) của Ngô Minh Trung (Tâm Mỏ) bao lô 3 đài với số tiền là 15 x 300.000 đồng x 3 x 18 = 243.000.000 đồng (cho huê hồng hết 45.900.000 đồng nên thực tế chỉ tính 15 x 300.000 đồng x 3 x 14,6 = 197.100.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 5 con số với số tiền trúng đề 5 x 300.000 đồng x 80 = 120.000.000 đồng. Tổng số tiền là 243.000.000 đồng + 120.000.000 đồng = 363.000.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 197.100.000 đồng + tiền trúng đề 120.000.000 đồng = 317.100.000 đồng), trừ tiền đánh đề ra thì L thua đề 77.100.000 đồng.

Tổng số tiền L đánh bạc trong ngày 18-02-2020 với T11, Tuấn, N, Ngô Minh T5g và 02 tin nhắn của Trương Thị D là 684.000.000 đồng + 1.158.000.000 đồng + 204.000.000 đồng + 363.000.000 đồng + 633.000.000 đồng = 3.042.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 61.200.000 đồng + 132.600.000 đồng + 20.400.000 đồng + 45.900.000 đồng + 54.900.000 đồng = 315.000.000 đồng nên thực tế chỉ tính 622.800.000 đồng + 1.025.400.000 đồng + 183.600.000 đồng + 317.100.000 đồng + 578.100.000 đồng = 2.727.000.000 đồng). L thắng 9.000.000 đồng.

- Ngày 25-02-2020 L đánh đề với những người như sau:

L sử dụng số thuê bao 098XXX53804 gửi 02 tin nhắn đến số điện thoại (không nhớ số) của Ngô Minh T5 (Tâm Mỏ). Tin nhắn thứ nhất bao lô với số tiền đánh đề là 20 x 200.000 đồng x 3 x 18 = 216.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 40.800.000 đồng nên thực tế chỉ tính 20 x 200.000 đồng x 3 x 14,6 = 175.200.000 đồng). Tin nhắn thứ hai bao lô với số tiền đánh đề là 17 x 100.000 đồng x 3 x 18 = 91.800.000 đồng (cho lại huê hồng hết 17.340.000 đồng nên thực tế chỉ tính 17 x 100.000 đồng x 3 x 14,6 = 74.460.000 đồng). Tổng số tiền đánh đề 2 tin nhắn là 216.000.000 đồng + 91.800.000 đồng = 307.800.000 đồng

(cho lại huê hồng hết 40.800.000 đồng + 17.340.000 đồng = 58.140.000 đồng nên thực tế chỉ tính 175.200.000 đồng + 74.460.000 đồng = 249.660.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số, số tiền trúng là 280.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 307.800.000 đồng + 280.000.000 đồng = 587.800.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 249.660.000 đồng + 280.000.000 đồng = 529.660.000 đồng), L thắng 30.340.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 0984XXX804 gửi 01 tin nhắn đến số điện thoại (không nhớ số) của người tên T11 quen biết ngoài xã hội (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể) bao lô với số tiền đánh đề là 21 x 300.000 đồng x 3 x 18 = 340.200.000 đồng (cho lại huê hồng hết 64.260.000 đồng nên thực tế chỉ tính 21 x 300.000 đồng x 3 x 14,6 = 275.940.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số, trúng được 288.000.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 340.200.000 đồng + 288.000.000 đồng = 628.200.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 275.940.000 đồng + 288.000.000 đồng = 563.940.000 đồng). Trừ tiền mua đề, L thắng 12.060.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 098XXX3804 gửi 01 tin nhắn đến số điện thoại (không nhớ số) của Khổng Thị N bao lô với số tiền đánh đề là 14 x 200.000 đồng x 3 x 18 = 151.200.000 đồng (cho lại huê hồng hết 28.560.000 đồng nên thực tế chỉ tính 14 x 200.000 đồng x 3 x 14,6 = 122.640.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số, tiền trúng được 176.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 151.200.000 đồng + tiền trúng đề 176.000.000 đồng = 327.200.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 122.640.000 đồng + 176.000.000 đồng = 298.640.000 đồng), trừ tiền mua đề L thắng 53.360.000 đồng.

Bị cáo L sử dụng số thuê bao 098XXX3804 gửi 02 tin nhắn đến số thuê bao (không nhớ số) của người tên Tuấn quen biết ngoài xã hội (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể). Tin thứ nhất bao lô với số tiền đánh đề là 23 x 100.000 đồng x 3 x 18 = 124.200.000 đồng (cho lại huê hồng hết 23.460.000 đồng nên thực tế chỉ tính 23 x 100.000 đồng x 3 x 14,6 = 100.740.000 đồng). Tin nhắn thứ hai bao lô với số tiền đánh đề là 8 x 300.000 đồng x 3 x 18 = 129.600.000 đồng (cho lại huê hồng hết 24.480.000 đồng nên thực tế chỉ tính 8 x 300.000 đồng x 3 x 14,6 = 105.120.000 đồng). Tổng số tiền đánh đề 2 tin nhắn là 124.200.000 đồng + 129.600.000 đồng = 253.800.000 đồng, (cho lại huê hồng hết 23.460.000 đồng + 24.480.000 đồng = 47.940.000 đồng nên thực tế chỉ tính 100.740.000 đồng + 105.120.000 đồng = 205.860.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số, tiền trúng đề 160.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 253.800.000 đồng + 160.000.000 đồng = 413.800.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 205.860.000 đồng + tiền trúng đề 160.000.000 đồng = 365.860.000 đồng), L thua đề 45.860.000 đồng.

Tổng số tiền L đánh đề trong ngày 25-02-2020 với Ngô Minh T5, T11, Khổng Thị N, T12 và 02 tin nhắn L đánh đề với Trương Thị D là 2.398.000.000

đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 2.144.200.000 đồng), L thắng 148.000.000 đồng.

Tổng số tiền L đánh bạc từ ngày 10-12-2019 đến ngày 25-02-2020 là 8.960.400.000 đồng cho huê hồng nên thực tế chỉ tính 8.009.080.000 đồng. Do ngày 25-02-2020 chưa tiến hành chung chi nên không tính tiền thu lợi bất chính trong ngày này. Tổng tiền L thu lợi bất chính là 41.820.000 đồng.

Khi biết đồng phạm bị lực lượng Công an bắt, L bỏ trốn, đến ngày 29/6/2020 L bị bắt theo Quyết định truy nã.

Quá trình điều tra xác định, L chuyển tin nhắn đánh đề với T11, T12, N, Ngô Minh T5 đến số thuê bao 093XX56089 của Trần Quốc T (Cu) để T tổng hợp, đối chiếu thắng thua rồi T nhắn tin thông báo cho L (Bé Điền) biết. Riêng L đánh đề với Trương Thị D mỗi lần 02 tin nhắn nhưng L (Bé Điền) chỉ gửi cho T tổng hợp tin nhắn bao lô 3 đài, còn tin nhắn bao lô đài Bến Tre thì L (Bé Điền) giữ lại tự tổng hợp đối chiếu thắng thua. Tổng cộng L gửi tin nhắn cho T tổng hợp số đề 03 lần vào các ngày 04-02-2020; 18-02-2020; 25-02-2020.

4. Đối với bị cáo Lâm Thanh T

T đã thực hiện hành vi mua số đề của bị cáo T tổng cộng 2 lần như nội dung trình bày của T trên, với tổng số tiền 17.280.000 đồng + 10.800.000 đồng = 28.080.000 đồng (cho lại huê hồng hết 4.680.000 đồng nên thực tế chỉ tính 14.400.000 đồng + 9.000.000 đồng = 23.400.000 đồng), tổng số tiền trúng 19.200.000 đồng + 32.000.000 đồng = 51.200.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc của T là 28.080.000 đồng + 51.200.000 đồng = 79.280.000 đồng (cho lại huê hồng hết nên thực tế chỉ tính 23.400.000 đồng + 51.200.000 đồng = 74.600.000 đồng). Do T chỉ chung chi tiền đánh bạc ngày 24-02-2020 cho T nên số tiền T thu lợi là 4.800.000 đồng.

5. Đối với bị cáo Nguyễn Duy P

Nguyễn Duy P thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung lời khai của bị cáo Nguyễn Phi L nêu trên, cụ thể: Tổng số tiền L đánh đề với P 02 lần là 70.000.000 đồng + 40.200.000 đồng = 110.200.000 đồng (cho lại huê hồng hết 12.420.000 đồng nên thực tế chỉ tính 60.280.000 đồng + 37.500.000 đồng = 97.780.000 đồng), P thu lợi 28.280.000 đồng, đã chung chi tiền.

P khai nhận sau khi nhận tin nhắn đồng ý bán lô đề cho L xong thì P chuyển toàn bộ tin nhắn đánh đề của L đến số điện thoại 0345591936 của chị Thủy (không biết họ tên và địa chỉ cụ thể) để đánh đề với chị Thủy để P được hưởng tiền huê hồng vì chị Thủy tính tiền 14.5 lô. P đã chung chi thắng thua với L.

6. Đối với bị cáo Khổng Thị N

Căn cứ kết quả trích xuất dữ liệu điện tử trong điện thoại di động hiệu

Samsung gắn sim số 09XXX56089 của Trần Quốc T (Cu) sử dụng nhận tin nhắn từ số điện thoại 0984XX3804 của L gửi đến có nội dung đánh đề với người khác của L để T tổng hợp, thống kê, đối chiếu kết quả thắng thua rồi gửi tin nhắn thông báo kết quả thắng thua cho L biết, thể hiện như sau:

Ngày 04-02-2020, L sử dụng số thuê bao 098XXX3804 gửi 01 tin nhắn đến số thuê bao 094XXX2799 của Khổng Thị N bao lô với số tiền là $7 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 75.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 14.280.000 đồng nên thực tế chỉ tính $7 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 61.320.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 05 con số với số tiền trúng đề là $5 \times 200.000 \text{ đồng} \times 80 = 80.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền đánh bạc là $75.600.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 80.000.000 \text{ đồng} = 155.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính $61.320.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 80.000.000 \text{ đồng} = 141.320.000 \text{ đồng}$), trừ tiền L thắng đề ra thì N thua đề 18.680.000 đồng.

Ngày 18-02-2020, L sử dụng thuê bao 09XX353804 gửi 01 tin nhắn đến thuê bao 0942XX2799 của Khổng Thị N bao lô với số tiền là $10 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 108.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 20.400.000 đồng nên thực tế chỉ tính $10 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 87.600.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng 06 con số với số tiền trúng đề là $6 \times 200.000 \text{ đồng} \times 80 = 96.000.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền đánh bạc là $108.000.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 96.000.000 \text{ đồng} = 204.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính $87.600.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 96.000.000 \text{ đồng} = 183.600.000 \text{ đồng}$), trừ tiền L thắng đề ra thì N thua đề 8.400.000 đồng.

Ngày 25-02-2020, L sử dụng số thuê bao 0984XX3804 gửi 01 tin nhắn đến số thuê bao 0942252799 Khổng Thị N bao lô với số tiền là $14 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 151.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 28.560.000 đồng nên thực tế chỉ tính $14 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 122.640.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số, tiền trúng được 176.000.000 đồng. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là $151.200.000 \text{ đồng} + \text{tiền trúng đề } 176.000.000 \text{ đồng} = 327.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính $122.640.000 \text{ đồng} + 176.000.000 \text{ đồng} = 298.640.000 \text{ đồng}$), trừ tiền L thắng đề N thua đề 53.360.000 đồng.

Tổng cộng N bán số đề cho L 03 ngày với tổng số tiền đánh bạc là 686.800.000 đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 623.560.000 đồng, trừ ngày 25-02-2020 thì những ngày khác đã tiến hành chung chi, N không thu lợi bất chính.

7. Đối với bị cáo Lê Thị Cẩm G (Tú)

G bắt đầu bán số lô đề, số đề thắng thua bằng tiền cho nhiều người từ khoảng giữa năm 2007 cho đến ngày 25-02-2020, trung bình mỗi ngày bán số, lô đề ít nhất khoảng 10.000.000 đồng, nhiều nhất khoảng hơn 90.000.000 đồng. Thu lợi mỗi ngày trung bình khoảng 1.000.000 đồng. G bán số, lô đề bằng hai hình thức: bán trực tiếp và qua tin nhắn điện thoại. Sau khi bán số lô đề, số đề

cho nhiều người xong, G nhắn tin đến số điện thoại 0941891050 của chị T, trong danh bạ điện thoại lưu tên Ct5050, nhà ở khu vực chợ An Bình, huyện Cao L (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) toàn bộ số lô đề mà G bán được để hưởng tiền huê hồng. G giao số đề cho chị Thanh bằng tin nhắn điện thoại, G tự trừ tiền hưởng huê hồng, đến ngày hôm sau khi đã đối chiếu kết quả thắng thua xong, chị Thanh bảo một người (không biết họ tên và địa chỉ) đến gặp trực tiếp G nhận tiền đánh đề, chung chi tiền thắng thua cho G để G chung chi tiền thắng thua cho nhiều người đánh đề với G.

Ngày 25-02-2020, G đã bán số lô đề cho những người như sau:

- Lê Huỳnh Hưng T13, sinh năm 2010 (con của bà Huỳnh Kim Hòa), ngụ ấp An Đ, xã An B, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp, mua bằng phôi đề với tổng số tiền 115.000 đồng + 115.000 đồng + 90.000 đồng + 100.000 đồng + 100.000 đồng + 20.000 đồng + 90.000 đồng + 90.000 đồng = 720.000 đồng (cho lại huê hồng hết 105.000 đồng nên thực tế chỉ tính 615.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng số tiền 1.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 720.000 đồng + tiền trúng đề 1.200.000 đồng = 1.920.000 đồng, G thua đề 585.000 đồng.

- Chị H bán vé số (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) mua trực tiếp với số tiền đánh đề $5 \times 5.000 \text{ đồng} \times 3 \times 2 = 150.000 \text{ đồng}$. Đối chiếu kết quả xổ số không trúng con số nào nên G thu lợi 150.000 đồng.

- Bùi Văn Khanh, sử dụng số thuê bao 093XX19515 nhắn tin đến số thuê bao 0944643959 của G bao lô với tổng số tiền 684.000 đồng (cho lại huê hồng hết 114.000 đồng nên thực tế chỉ tính 570.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 400.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 1.084.000 đồng, G thu lợi 170.000 đồng.

- Nguyễn Kim T15, gặp trực tiếp G mua số lô đề bằng phôi đề (tờ giấy lịch) bao lô với tổng số tiền đánh đề 2.000.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 720.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 2.720.000 đồng, G thắng đề được 1.280.000 đồng.

- Bị cáo Trần Quốc T (Cu) là chồng bị can G, sử dụng điện thoại Samsung có gắn sim số 0939956089 nhắn tin số thuê bao 0941065039 của G bao lô với tổng số tiền đánh đề $20 \times 100.000 \text{ đồng} \times 18 = 36.000.000 \text{ đồng}$ (cho lại huê hồng hết 6.000.000 đồng nên thực tế chỉ tính $20 \times 100.000 \text{ đồng} \times 15 = 30.000.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 24.000.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 60.000.000 đồng, G thắng đề được 6.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Phát T sử dụng số thuê bao 0972232447 nhắn tin đến số thuê bao 0941065039 của G bao lô với tổng số tiền đánh đề là 21.600.000 đồng (cho lại huê hồng hết 4.080.000 đồng nên thực tế chỉ tính $20 \times 20.000 \text{ đồng} \times 3 \times 14,6 = 17.520.000 \text{ đồng}$). Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 17.600.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 39.200.000 đồng, G thua đề 80.000 đồng.

- Bà Dương Kim H, là mẹ ruột của G, ngày 25-02-2020, bị cáo H bán số lô đề dựa trên kết quả xổ số các đài Bạc Liêu, Vũng Tàu, Bến Tre cho nhiều người tổng cộng 9.610.000 đồng, bị cáo Huê giao lại cho G, không hưởng tiền chênh lệch và không hưởng tiền thu lợi. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 8.000.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 17.610.000 đồng, G thu lợi 1.610.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn P, mua số, lô đề với tổng số tiền 700.000 đồng, G và Ông P không nhớ cụ thể các con số đã đánh nên không xác định được thắng thua.

- Bà Lê Thị Mỹ L (Liên), sử dụng số thuê bao 0914XX4593 nhắn tin đến số thuê bao 0944643959 của G bao lô với số tiền 230.000 đồng nhưng thực tế chỉ tính 200.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 400.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 630.000 đồng, G thua đề 200.000 đồng.

- Bà Dương Kim H8 sử dụng số thuê bao 0XX8064379 nhắn tin đến số thuê bao 0941065039 của G mua số lô đề với tổng số tiền 2.585.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 800.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 3.385.000 đồng, G thu lợi 1.785.000 đồng.

- Bà Hồ Thị Cà P sử dụng số thuê bao 082XX98732 nhắn tin đến số thuê bao 0944643959 của G mua số lô đề với tổng số tiền 1.188.000 đồng, cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 970.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 1.040.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 2.228.000 đồng, G thua đề 70.000 đồng.

- Chị Nguyễn Ngọc H sử dụng số thuê bao 07XX766912 nhắn tin đến số thuê bao 0941065039 của G mua số lô đề với tổng số tiền đánh đề 1.873.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 27.600.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 1.873.000 đồng + tiền trúng đề 27.600.000 đồng = 29.473.000 đồng, G thua đề 25.727.000 đồng.

- Người tên Phương V nhà ở khu vực cầu Cần Lố (Không rõ địa chỉ cụ thể) sử dụng số thuê bao 09XXX15020 nhắn tin đến số thuê bao 0XX4643959 của G với nội dung mua số lô đề với số tiền đánh đề 1.200.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số không trúng số nào nên tổng số tiền đánh bạc là 1.200.000 đồng, G thắng đề 1.200.000 đồng.

- Người tên T11 không rõ địa chỉ cụ thể sử dụng số thuê bao 03XXX27434 nhắn tin đến số thuê bao 09XXX65039 của G mua số lô đề với số tiền đánh đề 26.390.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng 16.800.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 26.390.000 đồng + tiền trúng đề 16.800.000 đồng = 43.190.000 đồng, G thắng đề 9.590.000 đồng.

Tổng cộng G bán số lô đề, số đề thắng thua bằng tiền cho nhiều người trong ngày 25-02-2020 với tổng số tiền 203.490.000 đồng, G thắng đề

22.485.000 đồng. Tuy nhiên, G và những người mua chưa tiến hành chung chi nên không tính thu lợi bất chính trong ngày chơi đề này.

Ngoài ra, G khai nhận bắt đầu bán số đề thắng thua bằng tiền từ khoảng giữa năm 2007 (không rõ ngày tháng) cho đến ngày bị phát hiện bắt quả tang (ngày 25-02-2020), trung bình mỗi ngày bán được từ 1.000.000 đồng đến khoảng 90.000.000 đồng, thu lợi bất chính khoảng 1.000.000 đồng. Trong đó, từ lúc bắt đầu bán số đề đến ngày 18-02-2020, G không nhớ cụ thể, tuy nhiên chỉ có duy nhất lời khai của G nên không đủ căn cứ chứng minh những lần đánh bạc trước đó của G để xử lý và buộc nộp tiền thu lợi bất chính. Căn cứ vào sổ ghi tổng hợp số đề của G mà Cơ quan điều tra thu giữ, G khai nhận:

+ Ngày 19-02-2020, G bán số đề cho nhiều người khác, với tổng số tiền đánh bạc 33.000.000 đồng. Đã đối chiếu, chung chi nhưng không nhớ thu lợi bao nhiêu tiền.

+ Ngày 20-02-2020, G bán số đề cho nhiều người khác, với tổng số tiền đánh bạc 41.397.000 đồng. Đã đối chiếu, chung chi nhưng không nhớ thu lợi bao nhiêu tiền.

+ Ngày 21-02-2020, G bán số đề cho nhiều người khác, với tổng số tiền đánh bạc 29.515.000 đồng. Đã đối chiếu, chung chi nhưng không nhớ thu lợi bao nhiêu tiền.

+ Ngày 22-02-2020, G bán số đề cho nhiều người khác, với tổng số tiền đánh bạc 24.230.000 đồng. Đã đối chiếu, chung chi nhưng không nhớ thu lợi bao nhiêu tiền.

+ Ngày 23-02-2020, G bán số đề cho nhiều người khác, với tổng số tiền đánh bạc 28.095.000 đồng. Đã đối chiếu, chung chi nhưng không nhớ thu lợi bao nhiêu tiền.

+ Ngày 24-02-2020, G bán số đề cho nhiều người khác, với tổng số tiền đánh bạc 37.740.000 đồng. Đã đối chiếu, chung chi nhưng không nhớ thu lợi bao nhiêu tiền.

G bán số đề tổng cộng 6 ngày được tổng số tiền 193.977.000 đồng. Không nhớ tiền thu lợi.

Như vậy, tổng số tiền G bán số đề được từ ngày 19-02-2020 đến ngày 25-02-2020 của G là 203.490.000 đồng + 193.977.000 đồng = 397.467.000 đồng. Tuy nhiên, chưa đủ căn cứ xác định số tiền G thu lợi bất chính.

8. Đối với bị cáo Trần Quốc T

T tham gia mua số lô đề thắng thua bằng tiền nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể, chỉ mua nhỏ lẻ từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Riêng ngày 25-02-2020, T sử dụng điện thoại Samsung có gắn sim số 0939956089 nhắn tin đến số thuê bao 0941065039 của Lê Thị Cẩm G (vợ T) bao lô với tổng số tiền đánh đề 20 x

100.000 đồng x 18 = 36.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 6.000.000 đồng nên thực tế chỉ tính 20 x 100.000 đồng x 15 = 30.000.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 24.000.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 60.000.000 đồng, T thua đề 6.000.000 đồng, chưa chung chi.

Ngoài ra, ngày 25-02-2020, T còn nhờ nhiều người mua số lô đề đánh, cụ thể:

- Người tên Đạt nhà ở khu vực chợ An Bình, xã An Bình, huyện Cao L mua số lô đề dùm T với tổng số tiền 4 x 100.000 đồng x 18 = 7.200.000 đồng (cho lại huê hồng hết 1.080.000 đồng nên thực tế chỉ tính 4 x 100.000 đồng x 15,3 = 6.120.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số không có số trúng nên số tiền đánh bạc là 7.200.000 đồng, T thua đề 6.120.000 đồng.

- Người tên Nhung nhà ở khu vực chợ An B, xã An B, huyện Cao L mua số lô đề dùm T với tổng số tiền 5 x 100.000 đồng x 18 = 9.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 1.400.000 đồng nên thực tế chỉ tính 5 x 100.000 đồng x 15,2 = 7.600.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 8.000.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 9.000.000 đồng + 8.000.000 đồng = 17.000.000 đồng, T thắng đề 400.000 đồng.

- Thanh nhờ anh Huỳnh Tân L (Út Cá), mua số lô đề dùm T với tổng số tiền 5 x 100.000 đồng x 18 = 9.000.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 8.000.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 9.000.000 đồng + 8.000.000 đồng = 17.000.000 đồng, nhưng anh L tìm người mau chưa được.

- Tanh nhờ anh Trương Ngọc T (An), mua số lô đề dùm T với tổng số tiền 26 x 100.000 đồng x 18 = 46.800.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 48.000.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 46.800.000 đồng + 48.000.000 đồng = 94.800.000 đồng, nhưng anh T tìm mua chưa được.

- Người tên Linh E nhà ở khu vực Quảng Kh thuộc thành phố Cao L mua số lô đề dùm T với tổng số tiền 10 x 100.000 đồng x 18 = 18.000.000 đồng (cho lại huê hồng hết 2.700.000 đồng nên thực tế chỉ tính 10 x 100.000 đồng x 15,3 = 15.300.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 8.000.000 đồng nên tổng số tiền đánh bạc là 18.000.000 đồng + 8.000.000 đồng = 26.000.000 đồng, Thanh thua đề 7.300.000 đồng.

Tổng cộng trong ngày 25-02-2020 T nhờ 5 người tìm mua số lô đề đánh đề dùm T với tổng số tiền là 162.000.000 đồng (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 148.570.000 đồng).

Tổng cộng Trần Quốc T đánh bạc với 6 người trong ngày 25-02-2020 với tổng số tiền là 222.000.000 đồng, (cho lại huê hồng nên thực tế chỉ tính 202.570.000 đồng). Do bị bắt quả tang trước khi tiến hành chung chi nên không tính tiền thu lợi bất chính của T.

Căn cứ T liệu thu giữ của G thể hiện T còn đánh đề với G ngày 19-02-2020 và ngày 22-02-2020, với tổng số tiền 4.120.000 đồng, đã chung chi, nhưng không nhớ thắng thua và thu lợi bao nhiêu tiền.

Như vậy, tổng số tiền Thanh đánh bạc là 222.000.000 đồng + 4.120.000 đồng = 226.120.000 đồng.

Ngoài ra, T còn tự nguyện sử dụng điện thoại Samsung có gắn sim số 09XX956089 để nhận tin nhắn từ số thuê bao 098XX53804 của L gửi tin nhắn có nội dung L đánh đề với D, Tú, Tuân, N, Trung để Thanh tổng hợp, đối chiếu kết quả thắng thua vào các ngày 04-02-2020; 18-02-2020; 25-02-2020 rồi T nhắn tin thông báo cho L biết.

9. Đối với bị cáo Nguyễn Phát T (Tám Miên)

Ngày 25-02-2020, bị cáo T nhắn mua số lô đề của bị cáo G với số tiền 20 con số x 20.000 đồng x 18 x 3 đài = 21.600.000 đồng. Đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết thì tổng cộng trúng 11 con số, với số tiền 11 x 20.000 đồng x 80 = 17.600.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 21.600.000 đồng + 17.600.000 đồng = 39.200.000 đồng, do bị bắt nên chưa tiến hành chung chi.

Căn cứ T liệu thu giữ của G thể hiện bị cáo T đánh đề với G nhiều lần từ ngày 19-02-2020 đến ngày 24-02-2020, với tổng số tiền 37.220.000 đồng, đã chung chi, nhưng không nhớ thắng thua và thu lợi bao nhiêu tiền.

Vậy tổng số tiền bị cáo T đánh bạc với G là 39.200.000 đồng + 37.220.000 đồng = 76.420.000 đồng, chưa tiến hành chung chi nên không thu lợi bất chính.

10. Đối với bị cáo Dương Kim Huê

Ngày 25-02-2020, bị cáo H bán số đề cho nhiều người với tổng số tiền 9.610.000 đồng, bị cáo H tổng hợp bằng 1 phôi đề rồi giao cho bị cáo G. Đối chiếu kết quả xổ số trúng được 8.000.000 đồng nên tổng số tiền dùng để đánh bạc là 17.610.000 đồng. Do bị cáo H là mẹ ruột của G, nên bị cáo H bán số đề xong giao cho bị cáo G không hưởng tiền H hồng, tiền thu lợi do G thụ hưởng.

Ngoài ra, căn cứ T liệu thu giữ của G thể hiện bị cáo H đánh đề với bị cáo G nhiều lần từ ngày 19-02-2020 đến ngày 24-02-2020, với tổng số tiền 16.920.000 đồng, đã chung chi nhưng không nhớ thắng thua và thu lợi bao nhiêu tiền. Như vậy, tổng số tiền bà H đánh đề với G: 17.610.000 đồng + 16.920.000 đồng = 34.530.000 đồng.

Tại Bản án số 18/2021/HS-ST ngày 11- 3- 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phi L, Trương Thị D, Trương Thị T, Không Thị N, Nguyễn Duy P, Lê Thị Cẩm G, Trần Quốc Thanh, Nguyễn Phát T, Lâm Thanh T, Dương Kim H phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phi L 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30-6-2020.

Xử phạt bị cáo Trương Thị T 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thụ hình, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26-02-2020 đến ngày 06-3-2020.

Xử phạt bị cáo Trương Thị D 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thụ hình, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-02-2020 đến ngày 04-5-2020.

Xử phạt bị cáo Khổng Thị N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thụ hình.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thụ hình, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-02-2020 đến ngày 22-5-2020.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Cẩm G 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày thụ hình, trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26-02-2020 đến ngày 06-3-2020.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm T T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phát T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thụ hình.

Xử phạt bị cáo Dương Kim H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo thụ hình.

- Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, buộc các bị cáo nộp phạt tiền, gồm: Nguyễn Phi L nộp 30.000.000 đồng; Trương Thị T nộp 25.000.000 đồng; Trương Thị D nộp 25.000.000 đồng; Lê Thị Cẩm G nộp 20.000.000 đồng, Trần Quốc Thanh nộp 20.000.000 đồng; Khổng Thị N nộp 20.000.000 đồng, Nguyễn Duy P nộp 15.000.000 đồng, Lâm Thanh T nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Phát T nộp 10.000.000 đồng, Dương Kim H nộp 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật

hình sự, Bản án sơ thẩm quyết định xử lý các vật chứng của vụ án, trong đó tuyên xử tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao L, gồm: 41.820.000 đồng của bị cáo Nguyễn Phi L theo biên lai số 015790 ngày 08-02-2021; 74.000.000 đồng của bị cáo Trương Thị T theo biên lai số 016805 ngày 08-02-2021 và 28.280.000 đồng của bị cáo Nguyễn Duy P theo Biên lai số 016802 ngày 08-02-2021.

- Buộc bị cáo Trương Thị T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 130.820.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lâm Thanh T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 4.800.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 12 tháng 3 năm 2021, bị cáo Lâm Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đến ngày 15 tháng 3 năm 2021, các bị cáo Nguyễn Phát T, Dương Kim H có đơn kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, bị cáo Nguyễn Duy P có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại tội danh để hưởng án treo hoặc xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị T có đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, bị cáo Lê Thị Cẩm G có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, bị cáo Khổng Thị N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo.

Riêng Trần Quốc T vào ngày 22 tháng 3 năm 2021 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc giảm hình phạt, nhưng đến ngày 31 tháng 5 năm 2021 Trần Quốc Thanh nộp đơn xin rút kháng cáo. Ngày 31 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ra Thông báo về việc rút kháng cáo của Trần Quốc Thanh.

Tại phiên tòa P thẩm, các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D, Khổng Thị N, Lâm Thanh T, Lê Thị Cẩm G, Nguyễn Phát T và Dương Kim H thừa nhận có thực hiện hành vi đánh bạc, thừa nhận loại hình đánh bạc là chơi số đề, thừa nhận số lần, số tiền đánh bạc và thừa nhận phạm tội “Đánh bạc” đúng như Bản án sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 11-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp đã kết án các bị cáo.

Bị cáo Trương Thị T giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt,

xin được hưởng án treo. Bị cáo trình bày là trước khi mở phiên tòa P thẩm, bị cáo đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt của hình phạt bổ sung và nộp 130.820.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc. Trước đó, ở cấp sơ thẩm bị cáo đã nộp 74.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính. Như vậy, đến nay bị cáo đã nộp xong tiền phạt và tiền thu lợi bất chính, nên xin Hội đồng xét xử P thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Trương Thị D giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo. Bị cáo trình bày là trước khi mở phiên tòa P thẩm, bị cáo đã nộp 25.000.000 đồng tiền phạt của hình phạt bổ sung mà Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc. Như vậy, bị cáo đã nộp xong tiền phạt của vụ án, nên xin Hội đồng xét xử P thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Khổng Thị N giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn.

Bị cáo Lê Thị Cẩm G giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo với lý do chồng của bị cáo là Trần Quốc Thanh cũng là bị cáo trong vụ án này đang chấp hành án phạt tù, mẹ ruột của bị cáo là bà Dương Kim H cũng là bị cáo trong vụ án này. Vì vậy nếu bị cáo đi chấp hành án phạt tù thì hoàn cảnh gia đình sẽ khó khăn, không có người chăm sóc cho các con của bị cáo.

Bị cáo Lâm Thanh T giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình, con trai và con dâu đi làm xa, gia đình đơn chiếc, một mình bị cáo T phải chăm sóc cho hai cháu còn rất nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Phát T giữ nguyên kháng cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc cho bị cáo được cải tạo không giam giữ với lý do bị cáo là lao động chính, phải làm tH làm mướn để nuôi gia đình, nhà không có của cải, ruộng vườn, trình độ học vấn thấp, bị cáo chỉ nghĩ rằng thỉnh thoảng chơi số đề thì chỉ bị xử lý hành chính mà thôi, không ngờ bị xử lý hình sự. Đồng thời, mắt của bị cáo có bệnh, đang chuẩn bị đi mổ.

Bị cáo Dương Kim H giữ nguyên kháng cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc cho bị cáo được cải tạo không giam giữ với lý do bị cáo chỉ là người giúp sức cho con trong vụ án, bị cáo lớn tuổi, bị bệnh và đã mổ 03 lần, chồng bị cáo bị bệnh tiểu đường, hoàn cảnh gia đình khó khăn, trong vụ án này con ruột của bị cáo là Lê Thị Cẩm G cũng là bị cáo, con rể là Trần Quốc T cũng là bị cáo, hiện nay Trần Quốc T đã đi chấp hành án phạt tù, nếu bị cáo và bị cáo Cẩm G phải đi chấp hành án tù nữa thì gia đình sẽ khó khăn hơn.

Tại phiên tòa P thẩm, bị cáo Nguyễn Duy P thay đổi kháng cáo, bị cáo P kháng cáo kêu oan với lý do bị cáo chỉ nhận tin nhắn mua số đề của Nguyễn Phi L rồi chuyển tin nhắn đó đến người khác để bán cho L, bị cáo chỉ hưởng H hồng chứ không có bán số đề cho Nguyễn Phi L. Bị cáo Nguyễn Duy P còn cho rằng

trong hệ thống tiền tệ của Việt Nam không quy định loại tiền tệ “300n” là “300 ngàn đồng”, nên việc Cơ quan điều tra dùng T liệu có ghi “300n” để cho rằng đó là cách viết tắt của “300 ngàn đồng” rồi tính toán ra số tiền đánh bạc của bị cáo là không đúng. Bị cáo cho rằng chữ “300n” là viết tắt của “300 đồng”, thỉnh thoảng bị cáo có mua đề với số tiền 300 đồng, mục đích là chỉ chơi cho vui, trúng đề lấy tiền uống cà phê.

Tại phiên tòa P thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định: Hành vi của các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D, Không Thị N, Nguyễn Duy P, Lê Thị Cẩm G bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự và hành vi của các bị cáo Lâm Thanh T, Nguyễn Phát T và Dương Kim H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ, đúng quy định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, xin chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, riêng bị cáo Nguyễn Duy P tại phiên tòa P thẩm kháng cáo kêu oan. Nhận thấy:

- Đối với bị cáo Trương Thị T, trước khi mở phiên tòa P thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung là 25.000.000 đồng và tiền thu lợi bất chính là 130.820.000 đồng, vì vậy bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ này theo Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm ghi nhận đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại Tòa án cấp P thẩm theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo T từ 03 tháng tù đến 05 tháng tù.

- Đối với bị cáo Trương Thị D, trước khi mở phiên tòa P thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung là 25.000.000 đồng, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ này theo Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm ghi nhận đây là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại Tòa án cấp P thẩm theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo D từ 03 tháng tù đến 05 tháng tù.

- Đối với bị cáo Không Thị N có nêu hoàn cảnh khó khăn để làm lý do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo nhưng xét thấy lý do mà bị cáo nêu ra là không có cơ sở để xem xét. Hơn nữa, hình phạt 03 năm tù mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo đã là mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm, bị cáo N cũng có nhân thân không tốt, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Không Thị N.

- Đối với bị cáo Lê Thị Cẩm G có nêu hoàn cảnh gia đình khó khăn, cả gia đình phạm tội, nếu bị cáo phải chấp hành án phạt tù thì bất lợi cho bị cáo, bị

cáo kháng cáo xin hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, mức án mà Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo cũng là mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Cẩm G.

- Đối với bị cáo Lâm Thanh T có nêu hoàn cảnh khó khăn để làm lý do kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng xét thấy lý do mà bị cáo nêu ra là không có cơ sở để xem xét. Hơn nữa, hình phạt 01 năm tù mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo T gây ra và bị cáo T có nhân thân không tốt, từng bị kết án về tội đánh bạc, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lâm Thanh T.

- Đối với bị cáo Nguyễn Phát T có nêu hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính, có bệnh trong người để làm lý do kháng cáo xin chuyển loại hình phạt nhẹ hơn, nhưng xét thấy lý do mà bị cáo nêu ra là không có cơ sở để xem xét. Hơn nữa, hình phạt 09 tháng tù mà Tòa án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phát T.

- Đối với bị cáo Dương Kim H có nêu hoàn cảnh gia đình khó khăn, cả gia đình phạm tội, nếu bị cáo phải chấp hành án phạt tù thì bất lợi cho bị cáo và gia đình, bị cáo kháng cáo xin chuyển sang loại hình phạt nhẹ hơn. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt 06 tháng tù mà Tòa án sơ thẩm đã xét xử là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nên đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Dương Kim H.

Ngoài ra, các bị cáo đều có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy tất cả các bị cáo đều không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Duy P kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không đánh bạc mà chỉ nhận, lấy số của Nguyễn Phi L chuyển cho người khác hưởng H hồng và các T liệu có thể hiện chữ “300n” không có trong hệ thống tiền tệ Việt Nam, “300n” là “300 đồng” chứ không phải “300 ngàn đồng”, nên việc Cơ quan điều tra cho là “300 ngàn đồng” và tính toán số tiền đánh bạc của bị cáo là không đúng, bị cáo không phạm tội. Nhận thấy kháng cáo kêu oan của bị cáo P là không có căn cứ, vì trong quá trình điều tra, bị cáo P tự viết tường trình, cung cấp lời khai, chính bị cáo giải thích “300n” là “300 ngàn đồng” chứ không ai ép buộc bị cáo. Hơn nữa các lần đánh bạc giữa bị cáo và Nguyễn Phi L thì Nguyễn Phi L và bị cáo đều khai khớp nhau, bị cáo còn thừa nhận lời khai của Nguyễn Phi L là phù hợp. Vì vậy không có căn cứ xác định bị cáo P bị oan, đề nghị Hội

đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh Hoa bào chữa cho các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D trình bày lời bào chữa có nội dung: Trong vụ án này từ quá trình điều tra cho đến tại phiên tòa P thẩm, các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thấy được hành vi phạm tội của mình là sai, vi phạm pháp luật. Tuy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn nhưng đã cố gắng nộp 100% số tiền phạt của hình phạt bổ sung và số tiền thu lợi bất chính mà Bản án sơ thẩm buộc phải nộp. Đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm chấp nhận đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, nếu có đủ điều kiện thì xem xét cho cả hai bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Hồng Thanh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy P trình bày lời bào chữa có nội dung: Lúc đầu bị cáo Nguyễn Duy P không kháng cáo kêu oan, nhưng tại phiên tòa P thẩm bị cáo kêu oan, bị cáo cho rằng mình không trực tiếp chơi với Nguyễn Phi L mà chỉ làm trung gian cho Nguyễn Phi L và người bán đề để hưởng H hồng, bị cáo cho rằng các ký hiệu “300n” là “300 đồng” chứ không phải “300 ngàn đồng” nên Cơ quan điều tra tính toán tiền đánh đề dựa trên số tiền “300 ngàn đồng” là không chính xác. Qua kháng cáo của bị cáo P, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm xem xét nếu bị cáo P bị oan thì tuyên án bị cáo P không phạm tội, còn nếu bị cáo P có tội thì xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử P thẩm nhận định như sau:

[1] Đối với bị cáo Trương Thị T, có đủ căn cứ để khẳng định vào ngày 25-02-2020 bị cáo Trương Thị T bán số đề với tổng số tiền dùng đánh bạc là 597.132.000 đồng. Qua điều tra còn chứng minh được từ ngày 10-12-2019 đến trước ngày 25-02-2020, bị cáo T còn bán số đề cho nhiều người với tổng số tiền 3.376.880.000 đồng. Tổng cộng bị cáo T 08 lần thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền 3.974.012.000 đồng, thu lợi bất chính 204.820.000 đồng. Vì vậy, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Trương Thị T phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, không oan sai. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo và còn cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do bị cáo đã nộp tiền thu lợi

bất chính trước khi xét xử sơ thẩm và gia đình bị cáo có công với cách mạng; Tòa án sơ thẩm còn áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên. Từ đó, tuyên phạt bị cáo T mức án 03 năm 05 tháng tù. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Xét thấy trước khi mở phiên tòa P thẩm, bị cáo Trương Thị T tự nguyện nộp số tiền 155.820.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp theo Biên lai thu số 0002628 ngày 12-11-2021, trong đó có 25.000.000 đồng là tiền phạt của hình phạt bổ sung và 130.820.000 đồng là tiền thu lợi bất chính mà Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo. Như vậy, bị cáo Trương Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về hình phạt bổ sung và tiền thu lợi bất chính, vì vậy Hội đồng xét xử P thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm mức hình phạt tù đối với bị cáo Trương Thị T. Do bị cáo T có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[2] Đối với bị cáo Trương Thị D, chứng minh được ngày 25-02-2020 bị cáo D có hành vi bán số đề với tổng số tiền 441.000.000 đồng. Trước đó, từ ngày 10-12-2019 đến ngày 24-02-2020 bị cáo còn 07 lần bán số lô đề với tổng số tiền 3.340.400.000 đồng. Tổng cộng bị cáo bán số đề 08 lần với tổng số tiền 3.781.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 204.820.000 đồng nhưng bị cáo Trương Thị T là người thụ hưởng. Do đó, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Trương Thị D phạm tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do gia đình bị cáo có công với cách mạng và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, tuyên phạt bị cáo Trương Thị D mức án 03 năm 05 tháng tù. Bị cáo D kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

Xét thấy, trước khi xét xử P thẩm, bị cáo D tự nguyện nộp 25.000.000 đồng tiền phạt của hình phạt bổ sung theo Bản án sơ thẩm đã tuyên, như vậy bị cáo Trương Thị D đã thi hành xong hình phạt bổ sung. Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử P thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm mức hình phạt tù đối với bị cáo Trương Thị D. Do bị cáo D có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[3] Đối với bị cáo Khổng Thị N, có đủ cơ sở chứng minh bị cáo N đã 03 lần bán số đề cho Nguyễn Phi L vào các ngày 04-02-2020, 18-02-2020 và 25-02-2020 với tổng số tiền đánh bạc là 686.800.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm

kết án bị cáo Không Thị N phạm tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét nhân thân bị cáo tuy không thể hiện tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo đã từng bị kết án về hành vi đánh bạc vào năm 2005; Tòa án có áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là: Gia đình bị cáo có công với cách mạng, chồng bị cáo bị bệnh nặng; Tòa án còn áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án 03 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nhưng xét thấy các lý do mà bị cáo trình bày là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, do bị cáo N có nhân thân không tốt và có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo N không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử P thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Không Thị N.

[4] Đối với bị cáo Lê Thị Cẩm G, có đủ căn cứ khẳng định ngày 25-02-2020 bắt quả tang được bị cáo G đang bán số đề với tổng số tiền đánh bạc là 203.490.000 đồng. Quá trình điều tra còn chứng minh được từ ngày 19-02-2020 đến trước ngày 25-02-2020 tổng số tiền G bán số đề là 193.977.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 397.467.000 đồng. Vì vậy, Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Lê Thị Cẩm G phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét đến nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Từ đó, xử phạt bị cáo G mức án 03 năm tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ, xin hưởng án treo, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy các lý do bị cáo trình bày làm căn cứ kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì trách nhiệm hình sự là cá thể hóa, tuy rằng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử phải xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo, điều kiện phạm tội của bị cáo, nhưng cũng không vì những người trong gia đình bị cáo đều chịu trách nhiệm hình sự mà giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nếu không có lý do chính đáng. Hơn nữa, mức án 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo đã là mức án thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm, không có căn cứ pháp lý để giảm mức án xuống dưới khung hình phạt. Bên cạnh đó, vì bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo cũng không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Cẩm G, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo G.

[5] Đối với bị cáo Nguyễn Duy P, có đủ căn cứ khẳng định vào ngày 31-

12-2019 và ngày 07-01-2020, Nguyễn Duy P 02 lần bán số đề cho Nguyễn Phi L. Theo lời khai của Nguyễn Phi L thì ngày 31-12-2019, L sử dụng tH bao số 0984353804 gửi 02 tin nhắn đến số điện thoại 0944491133 của P để mua số lô đề. Tin nhắn thứ nhất bao lô 04 con số với tổng số tiền là $4 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 21.600.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 3.600.000 đồng nên thực tế chỉ tính 18.000.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số, không trúng số nào nên L thua đề 18.000.000 đồng. Tin nhắn thứ hai bao lô 04 con số nhưng P chỉ nhận 03 con số với tổng số tiền đánh bạc là $3 \times 200.000 \text{ đồng} \times 3 \times 18 = 32.400.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 6.120.000 đồng nên thực tế chỉ tính 26.280.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số thì trúng 01 con số với số tiền 16.000.000 đồng. Trừ tiền đánh đề L còn thua đề 10.280.000 đồng. Tổng tiền Nguyễn Phi L đánh đề với P ngày 31-12-2019 là 54.000.000 đồng + tiền trúng đề 16.000.000 đồng = 70.000.000 đồng (cho lại H hồng nên thực tế chỉ tính 18.000.000 đồng + 26.280.000 đồng + tiền trúng đề 16.000.000 đồng = 60.280.000 đồng). L thua đề 28.280.000 đồng.

Ngày 07-01-2020, L sử dụng số tH bao 09XX353804 gửi 01 tin nhắn đến số tH bao 0944491133 của P bao lô 06 con số, nhưng P nhắn tin lại cho L chỉ nhận bao lô 03 con số với tổng số tiền đánh đề là $3 \times 300.000 \text{ đồng} \times 18 = 16.200.000 \text{ đồng}$ (cho lại H hồng hết 2.700.000 đồng nên thực tế chỉ tính 13.500.000 đồng). Đối chiếu kết quả xổ số thì trúng 01 số với số tiền trúng 300.000 đồng $\times 80 = 24.000.000 \text{ đồng}$. Tổng tiền L đánh bạc với P là 16.200.000 đồng + tiền trúng đề 24.000.000 đồng = 40.200.000 đồng (cho lại H hồng hết 2.700.000 đồng nên thực tế chỉ tính 37.500.000 đồng). Trừ tiền đánh đề ra thì L thu lợi 10.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Phi L đánh bạc với Nguyễn Duy P 02 lần (ngày 31-12-2019 và ngày 07-01-2020) là 70.000.000 đồng + 40.200.000 đồng = 110.200.000 đồng (cho lại H hồng hết 12.420.000 đồng nên thực tế chỉ tính 97.780.000 đồng). L thu lợi 10.500.000 đồng. Hai bên đã chung chi tiền.

Xét thấy, nội dung lời khai trên đây của Nguyễn Phi L phù hợp với nội dung tự khai của bị cáo Nguyễn Duy P tại Tờ tự khai ngày 18-3-2020, phù hợp với lời khai của P tại các Biên bản ghi lời khai ngày 18-3-2020, ngày 14-7-2020, ngày 27-7-2020 và tại Biên bản đối chiếu ngày 19-8-2020 giữa Nguyễn Phi L và Nguyễn Duy P thì cả hai đều công nhận việc đối chiếu có nội dung như trên là đúng. Đồng thời, tại các biên bản ghi lời khai ngày 14-7-2020, ngày 27-7-2020 và Tờ giải trình viết tay ngày 14-7-2020 bị cáo Nguyễn Duy P giải thích rằng nội dung tin nhắn trong điện thoại mà Nguyễn Phi L nhắn cho P ghi: “Lo, btr... 40, 62, 70, 82.... 300n. Ok, có nghĩa là bao lô đài Bến Tre với 4 con số 40, 62, 70, 82 mỗi con số 300.000 đồng. Ok”; “Lo 3d 40, 58, 60, 38, 200n, 14.6, có nghĩa là bao lô 3 đài Bến Tre, Bạc Liêu, Vũng Tàu, 4 con số 40, 58, 60, 38, mỗi con số 200.000 đồng tính 14.6 lô”. Từ đó cho thấy, các ký hiệu “300n” hay “200n” được viết tắt trong tin nhắn chính là số tiền đánh đề “300.000 đồng” hay “200.000 đồng”, bị cáo Nguyễn Duy P chính là người giải thích nội dung này,

nên không có căn cứ để nói rằng Cơ quan điều tra tự ý đưa ra để tính toán. Việc bị cáo khai tại phiên tòa P thẩm rằng “300n” là “300 đồng” chỉ là lời khai nại của bị cáo, hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận.

Từ những chứng cứ nêu trên, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Duy P đánh bạc bằng hình thức mua bán số đề với Nguyễn Phi L, hành vi của bị cáo P phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Do đó, Bản án sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 11-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L kết án bị cáo P theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Lâm Thanh T, đủ cơ sở kết luận bị cáo T 02 lần mua số lô đề của Trương Thị T với tổng số tiền 79.280.000 đồng, cả hai lần đánh bạc mỗi lần đều dưới 50.000.000 đồng, nên Bản án sơ thẩm kết án bị cáo T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng xem xét nhân thân bị cáo tuy không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị kết án 01 lần về tội đánh bạc vào năm 2014; Tòa án cũng đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo cho bị cáo T theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nay bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng Hội đồng xét xử P thẩm xét thấy các lý do mà bị cáo nêu ra tại phiên tòa P thẩm là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời xét thấy nhân thân bị cáo không tốt và mức án 01 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Đối với bị cáo Nguyễn Phát T, xét thấy ngày 25-02-2020 bị cáo T mua số lô đề của bị cáo Lê Thị Cẩm G với số tiền đánh bạc 39.200.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 19-02-2020 đến ngày 24-02-2020, T đánh đề với G nhiều lần với tổng số tiền 37.220.000 đồng đã chung chi. Tổng số tiền T đánh bạc với G là 76.420.000 đồng, nhưng mỗi lần đều dưới 50.000.000 đồng. Do đó, Bản án sơ thẩm kết án Nguyễn Phát T phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Xét về nhân thân thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo nên Tòa án sơ thẩm giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mức án 09 tháng tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là phù hợp. Nay bị cáo kháng cáo xin chuyển sang loại hình phạt nhẹ hơn là phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ, nhưng xét thấy các lý do mà bị cáo nêu ra tại phiên tòa P thẩm là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử P thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T.

[8] Đối với bị cáo Dương Kim H, xác định được ngày 25-02-2020 bị cáo H bán số đề cho nhiều người với tổng số tiền 17.610.000 đồng, sau đó giao lại cho con ruột là Lê Thị Cẩm G nhưng không hưởng H hồng, không thu lợi. Ngoài ra, từ ngày 19-02-2020 đến ngày 24-02-2020 bị cáo H bán số đề rồi giao lại cho G nhiều lần với tổng số tiền 16.920.000 đồng. Tổng số tiền H đánh bạc là 34.530.000 đồng. Xét thấy Bản án sơ thẩm kết án bị cáo Dương Kim H phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp. Khi quyết định hình phạt, Tòa án đã xem xét nhân thân bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Nay bị cáo kháng cáo xin chuyển sang loại hình phạt nhẹ hơn là phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ vì bị cáo có nhiều bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cả gia đình có con gái là bị cáo Cẩm G, con rể là Trần Quốc Thanh cùng phạm tội trong vụ án này. Xét thấy, kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, vì trách nhiệm hình sự là cá thể hóa, người phạm tội phải chịu trách nhiệm về hành vi do mình thực hiện. Khi xem xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cũng có xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo H là khó khăn, nhưng khó khăn đó không phải do khách quan mà do bị cáo, bị cáo Thanh và bị cáo G gây ra. Đồng thời, xét thấy mức án 06 tháng tù mà bị cáo H bị xử phạt đã là mức án thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm và mức án này phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Kim H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[9] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên và phát biểu của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D tại phiên tòa P thẩm là có căn cứ chấp nhận. Phát biểu của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy P là một trong những cơ sở để Hội đồng xét xử P thẩm xem xét kháng cáo của bị cáo P.

[10] Xét thấy, ngày 12-11-2021 bị cáo Trương Thị T nộp số tiền 155.820.000 đồng (gồm 25.000.000 đồng của hình phạt bổ sung và 130.820.000 đồng tiền thu lợi bất chính mà Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải có nghĩa vụ thi hành) theo Biên lai thu số 0002628 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp và cùng ngày 12-11-2021, bị cáo Trương Thị D nộp số tiền 25.000.000 đồng (số tiền của hình phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm) theo Biên lai thu số 0002627 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bị cáo Trương Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ chấp hành hình phạt bổ sung, nộp tiền thu lợi bất chính; bị cáo Trương Thị D đã thực hiện xong nghĩa vụ chấp hành hình phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 11-3-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp đối với hai bị cáo.

[11] Xét thấy, kháng cáo của bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D được

chấp nhận nên các bị cáo này không phải chịu án phí hình sự P thẩm. Các bị cáo Khổng Thị N, Lê Thị Cẩm G, Nguyễn Duy P, Lâm Thanh T, Nguyễn Phát T và Dương Kim H có kháng cáo nhưng không được chấp nhận, nên các bị cáo này phải chịu án phí hình sự P thẩm.

[12] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D.

Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D.

Tuyên bố các bị cáo Trương Thị T, Trương Thị D phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị T** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 26-02-2020 đến ngày 06-3-2020).

Xử phạt bị cáo **Trương Thị D** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 26-02-2020 đến ngày 04-5-2020).

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Khổng Thị N, Lê Thị Cẩm G, Nguyễn Duy P, Lâm Thanh T, Nguyễn Phát T và Dương Kim H.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2021/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt đối với các bị cáo Khổng Thị N, Lê Thị Cẩm G, Nguyễn Duy P, Lâm Thanh T, Nguyễn Phát T và Dương Kim H.

Tuyên bố các bị cáo Khổng Thị N, Lê Thị Cẩm G, Nguyễn Duy P, Lâm Thanh T, Nguyễn Phát T và Dương Kim H phạm tội “Đánh bạc”.

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Khổng Thị N 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Cẩm G 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 26-02-2020 đến ngày 06-3-2020).

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy P 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày chấp hành án.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lâm Thanh T 01** (một) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phát T 09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Dương Kim H 06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị T không phải chịu án phí hình sự P thẩm.

Các bị cáo Khổng Thị N, Lê Thị Cẩm G, Nguyễn Duy P, Lâm Thanh T, Nguyễn Phát T và Dương Kim H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự P thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án P thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS thành phố Cao L;
- CQCSĐT Công an thành phố Cao L;
- Trại Tạm giam CA Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

Nguyễn Tuấn Anh